

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

NGUYỄN THỊ TRANG

**BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC
TỘI TỬ THỰC TIỄN TỈNH BẮC NINH**

Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự

Mã số : 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. ĐINH THỊ MAI

HÀ NỘI, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu nêu trong Luận văn là trung thực. Kết quả nghiên cứu nêu trong Luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Nguyễn Thị Trang

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI.....	6
1.1. Một số khái niệm liên quan đến bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội.....	6
1.2. Bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội theo pháp luật Tố tụng hình sự Việt Nam	12
Chương 2. THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH	36
2.1. Tổng quan thực trạng bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	36
2.2. Những kết quả, vi phạm, sai lầm và nguyên nhân	38
Chương 3. CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI.....	58
3.1. Hoàn thiện pháp luật Tố tụng hình sự	58
3.2. Các giải pháp khác bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội	65
KẾT LUẬN	75
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	77

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	: Bộ luật hình sự
BLTTHS	: Bộ luật tố tụng hình sự
TTHS	: Tố tụng hình sự
CQĐT	: Cơ quan điều tra
VKS/VKSND	: Viện kiểm sát nhân dân
TA/TAND	: Tòa án nhân dân
QCN	: Quyền con người
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1: Bảng thống kê tình hình giải quyết người bị tạm giữ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.....	39
Bảng 2: Bảng thống kê tình hình giải quyết người bị tạm giam trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.....	40
Bảng 3: Thống kê công tác giải quyết các vụ án hình sự của TAND hai cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.....	42
Bảng 4: Thống kê tình hình trả hồ sơ điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiền hành tố tụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.....	51

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Bảo đảm quyền con người là một trong những mục tiêu của xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Ngày nay, cùng với việc phát triển kinh tế, Đảng và Nhà nước cũng chăm lo xây dựng một Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân, xây dựng một hệ thống pháp luật hoàn thiện bảo đảm cho việc phát triển các quyền tự do, quyền cơ bản của công dân là những nội dung cơ bản được thể hiện trong các văn kiện của Đảng và Nhà nước ta.

Hoạt động tố tụng hình sự là một mặt hoạt động của Nhà nước liên quan rất chặt chẽ với quyền con người. Trong lĩnh vực tố tụng hình sự, các biện pháp cưỡng chế Nhà nước được áp dụng phổ biến nhất, chính vì vậy là nơi QCN của các chủ thể tham gia tố tụng, đặc biệt, quyền của người bị buộc tội dễ dàng bị lạm dụng và vi phạm. Thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử trong những năm qua cho thấy rằng cũng có nhiều trường hợp vi phạm QCN đối với người bị buộc tội trong quá trình tiến hành tố tụng. Những vi phạm đó xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có những bất cập, hạn chế của pháp luật, cơ chế, nhận thức, thái độ của người tiến hành tố tụng, các quy định về chế độ trách nhiệm của cơ quan, người tiến hành tố tụng đối với công dân...

Có thể nói, vấn đề bảo đảm QCN nói chung, đặc biệt là đảm bảo quyền con người của người bị buộc tội nói riêng đang là yêu cầu cấp thiết trên cả phương diện lý luận cũng như trong hoạt động thực tiễn. Do đó, để góp phần bảo đảm hơn nữa về QCN nói chung và bảo đảm QCN trong TTHS đối với người bị buộc tội, tác giả chọn đề tài: "***Bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội từ thực tiễn tỉnh Bắc Ninh***" làm đề tài luận văn. Trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá toàn diện các quy định về bảo đảm QCN đối với người bị buộc tội và thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, tác giả đưa ra một

số đề xuất, kiến nghị để hoàn thiện pháp luật về bảo đảm quyền của người bị buộc tội và một số giải pháp để bảo đảm quyền này được thực thi một cách có hiệu quả trong thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong khoa học pháp lý trong nước cũng như quốc tế, vấn đề bảo đảm QCN nói chung, QCN trong hoạt động tư pháp cũng như QCN trong tố tụng hình sự đã được nhiều tác giả nghiên cứu từ các góc độ và với nhiều mức độ khác nhau. Vấn đề bảo vệ quyền con người của người bị buộc tội theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam là một vấn đề rất nhạy cảm và phức tạp và luôn nhận được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội.

Liên quan đến vấn đề này nhiều công trình đã được công bố có nội dung đề cập đến vấn đề bảo vệ quyền con người nói chung, trong tố tụng hình sự nói riêng. Cụ thể có nhiều công trình, bài tham luận như: Bảo vệ quyền con người trong luật hình sự và tố tụng hình sự Việt Nam của Tiến sỹ Trần Quang Tiệp; Bảo vệ quyền con người bằng pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự của GS-TSKH Lê Cẩm; Mấy ý kiến về bảo vệ con người trong tố tụng hình sự Việt Nam của PGS – TS Phạm Hồng Hải; Đề tài luận văn thạc sỹ: Đảm bảo quyền con người của người bị tạm giữ, bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự của tác giả Đoàn Văn Thuận; Bảo đảm quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam của tác giả Nguyễn Tiến Đạt; Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam của tác giả Nguyễn Như Hiên; Luận án Tiến sỹ: Bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam của tác giả Lại Văn Trình... các tác giả cũng đã phân tích làm rõ quyền con người của người bị tạm giữ trong tố tụng hình sự Việt Nam, một số tác giả đi sâu nghiên cứu và các nguyên tắc của BLTTHS liên quan đến quyền con người, một số tác giả đi sâu phân tích về việc bảo đảm thực hiện quyền con người... những kết quả của các công trình nghiên cứu này

cũng là những tri thức, hiểu biết quan trọng mà tác giả kế thừa có chọn lọc trong quá trình nghiên cứu đề tài của mình. Tuy nhiên, đến nay chưa có công trình khoa học nào tiếp cận một cách trọn vẹn, toàn diện, hệ thống, đồng bộ về vấn đề bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội theo pháp luật tố tụng hình sự từ thực tiễn một địa bàn nghiên cứu, cụ thể là tại tỉnh Bắc Ninh.

Vì vậy, trên cơ sở kế thừa những tri thức lý luận nền tảng, cũng như những tri thức về nhân thân người phạm tội trong các công trình nghiên cứu mà mình tiếp cận được, tác giả sẽ vận dụng đi sâu nghiên cứu về việc bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bắc Ninh.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận văn là nhằm làm sáng tỏ những hạn chế, bất cập, và đưa ra những biện pháp nhằm tăng cường bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bắc Ninh.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận văn có nhiệm vụ: (1) nghiên cứu, làm rõ các vấn đề lý luận chung về quyền con người của người bị buộc tội, (2) phân tích thực trạng quy định và thực hiện pháp luật tố tụng hình sự về quyền con người của người bị buộc tội trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, (3) đưa ra những giải pháp nhằm tăng cường bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội nói chung và trên địa bàn Tỉnh Bắc Ninh nói riêng.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bắc

Ninh. Tác giả chủ yếu dựa trên số liệu thống kê của Viện kiểm sát tỉnh Bắc Ninh, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2012-2016 để đánh giá.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu về việc bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội dưới góc độ lý luận, thực tiễn áp dụng trong giai đoạn từ năm 2012-2016 từ thực tiễn tỉnh Bắc Ninh.

Do giới hạn của luận văn chỉ nghiên cứu bảo đảm quyền của người bị buộc tội theo quy định của BLTTHS nên chúng tôi chỉ nghiên cứu bảo đảm quyền của người bị buộc tội gồm: Người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam, bị can, bị cáo. Còn quyền của người bị kết án không nằm trong giới hạn nghiên cứu của luận văn này.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Trong quá trình thực hiện luận văn, học viên chủ yếu dựa trên cơ sở nhận thức lý luận về phép biện chứng duy vật của Chủ nghĩa Mác – Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; các quan điểm chính sách của Đảng và Nhà nước và pháp luật về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa về bảo đảm quyền con người, quyền con người của người bị tạm giữ. Phương pháp luận nghiên cứu của Luận văn được thực hiện theo phương pháp luận của khoa học Luật tố tụng hình sự, trong đó có sử dụng tri thức của các lĩnh vực khoa học Luật Hình sự, Nhân quyền học cũng như cách tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp cụ thể được sử dụng trong quá trình nghiên cứu kết hợp việc sử dụng các phương pháp như phương pháp lý luận, phân tích, so sánh, chứng minh... được sử dụng để làm rõ những vấn đề lý luận chung về bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội.

Phương pháp nghiên cứu, lý luận, phân tích, hệ thống, đối chiếu, suy luận, logic ... được sử dụng để làm rõ các vấn đề thực trạng về quyền con người của người bị buộc tội từ thực tiễn tỉnh Bắc Ninh.

Phương pháp tổng kết kinh nghiệm, phân tích, suy luận logic được sử dụng để kiến nghị hoàn thiện các giải pháp bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Đề tài góp phần bổ sung hoàn thiện hơn về vấn đề lý luận về bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội, góp phần hoàn thiện hơn trong việc thực hiện áp dụng pháp luật hiệu quả trong thực tiễn bảo đảm quyền con người nói chung và quyền của người bị buộc tội nói riêng.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Đề tài là một đóng góp khiêm tốn trong việc giải quyết một trong những nội dung cấp thiết hiện nay là vấn đề về quyền con người. Quy định về quyền con người là vô cùng quan trọng. Tuy nhiên, để quyền đó được thực thi trong cuộc sống, được mọi người tuân thủ và tôn trọng là vấn đề hết sức cần thiết và tất yếu.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, luận văn gồm 03 chương với cơ cấu như sau:

Chương 1: Lý luận chung về bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội

Chương 2: Thực trạng bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội từ thực tiễn tỉnh Bắc Ninh

Chương 3: Giải pháp nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội

Chương 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI

1.1. Một số khái niệm liên quan đến bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội

1.1.1. Khái niệm quyền con người và bảo đảm quyền con người

Quyền con người là những nhu cầu, lợi ích tự nhiên, vốn có của con người được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế. Quyền con người cũng được xác định như là những chuẩn mực được cộng đồng quốc tế thừa nhận và tuân thủ mang tính phổ biến, tính không thể tước bỏ, tính không thể phân chia và tính liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau. Nhờ có những chuẩn mực này, nhân loại mới được bảo vệ nhân phẩm và mới có điều kiện phát triển đầy đủ các năng lực của cá nhân với tư cách là một con người.

Theo Văn phòng Cao ủy Liên hợp quốc về QCN thì QCN là những bảo đảm pháp lý mang tính toàn cầu xác định trách nhiệm của mỗi quốc gia bảo vệ các cá nhân chống lại sự thờ ơ của mỗi quốc gia gây tổn hại nhân phẩm và các quyền tự do cơ bản của con người. Trong tài liệu mang tính giáo dục phổ cập của Liên hợp quốc về QCN thì QCN là những nhu cầu tự nhiên cơ bản gắn liền với mỗi cá nhân được các quốc gia cũng như cộng đồng quốc tế tôn trọng bảo đảm và bảo vệ. [44].

Chúng ta có thể tìm thấy trong các văn kiện quốc tế về quyền con người trong tổ tụng hình sự như: Tuyên ngôn nhân quyền thế giới năm 1948 (UHDR); Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 (ICCPR); Những nguyên tắc cơ bản trong việc đối xử với tù nhân; Công ước chống tra tấn, đối xử vô nhân đạo và hạ nhục con người năm 1985... Quyền

con người trong tố tụng hình sự chính là sự cụ thể quyền được sống, quyền được tự do trong lĩnh vực tố tụng hình sự. Đây được coi là tiêu chuẩn về nhân quyền trong tố tụng hình sự. Theo đó, quyền con người trong tố tụng hình sự bao gồm những quyền sau “Điều 10, 11 UHDR và Điều 14, 15 ICCPR”: Quyền được xét xử công bằng bởi một thủ tục tố tụng hình sự; Quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm và quyền tự do cá nhân khác. Mọi trường hợp áp dụng các biện pháp cưỡng chế trách nhiệm hình sự phải trên cơ sở luật định; Quyền được suy đoán vô tội; Quyền được bào chữa và biện hộ, quyền không bị xét xử quá mức chậm trễ; Người chưa thành niên phải được áp dụng thủ tục tố tụng hình sự đặc biệt; Quyền kháng cáo bản án để xét xử phúc thẩm, quyền được nhanh chóng minh oan, quyền không bị kết tội hai lần về cùng một hành vi...; Những quyền trên là những quyền của người bị buộc tội là đối tượng quan trọng nhất cần bảo vệ trong tố tụng hình sự. [14], [44].

Trải qua rất nhiều giai đoạn quá trình lịch sử lâu dài, Việt Nam bắt đầu coi QCN cũng là vấn đề khoa học từ những năm 90 mà cho đến nay, Hiến pháp 2013 coi trọng QCN hơn thể hiện ở chỗ đẩy quy định từ Chương V thành Chương 2 quy định quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Cho đến nay, Việt Nam đã tham gia phần lớn và cam kết thực hiện ở cả hai phương diện lập pháp và cam kết thực hiện thực tiễn các văn kiện về quyền con người, điều đó được thể hiện trong Bộ Luật Tố tụng hình sự của nước ta ở mức độ khác nhau. Bộ luật tố tụng hình sự 2015 có các nguyên tắc như: Thừa nhận Tòa án là cơ quan duy nhất có quyền xét xử các vụ án hình sự; Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân; Bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể; Bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân; danh dự, uy tín, tài sản của

pháp nhân, suy đoán vô tội; Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự...[5].

Từ việc nghiên cứu quyền con người trong tố tụng hình sự có thể đưa ra định nghĩa về quyền con người trong tố tụng hình sự như sau: Quyền con người trong tố tụng hình sự là những bảo đảm pháp lý xác định trách nhiệm của quốc gia bảo vệ các cá nhân, pháp nhân chống lại sự gây tổn hại nhân phẩm và các quyền tự do cơ bản của cá nhân, pháp nhân đó khi họ tham gia quan hệ pháp luật tố tụng hình sự mà nhà nước có nghĩa vụ phải ghi nhận trong Hiến pháp, pháp luật và bảo đảm thực hiện trên thực tế.

1.1.2. Khái niệm người bị buộc tội

Theo quy định của BLTTHS 2015, người bị buộc tội bao gồm người bị bắt, người bị buộc tội là những người tham gia tố tụng có vị trí trung tâm trong quá trình giải quyết vụ án. [5]. Họ là người bị cơ quan tiến hành tố tụng coi là người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được BLHS quy định là tội phạm. Theo Khoản 1 Điều 31 Hiến pháp 2013 quy định: “Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật” [33].

a) Người bị bắt, người bị tạm giữ là người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang, bị bắt theo quyết định truy nã hoặc người phạm tội tự thú, đầu thú và đối với họ đã có quyết định tạm giữ. Họ là những người bị nghi thực hiện tội phạm và đối với họ đã có quyết định tạm giữ của người có thẩm quyền.

Người bị bắt, người bị tạm giữ có những đặc điểm sau:

- Về nội dung: khi có căn cứ cho rằng một người đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; người mà bị người khác có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt trông thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm và thấy cần ngăn chặn ngay việc

người đó bỏ trốn; người mà thấy có dấu hiệu của tội phạm nên cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ; người mà bị phát hiện đang thực hiện tội phạm; người có lệnh truy nã hoặc người tự thú sau khi thực hiện tội phạm. Đối với trường hợp bắt khẩn cấp, bị bắt do phạm tội quả tang, người tự thú, đầu thú, người bị tạm giữ bị nghi thực hiện tội phạm, nhưng chưa bị cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, để kịp thời ngăn chặn tội phạm, không để người đó tiếp tục phạm tội hay phạm tội mới, để người đó không có điều kiện cản trở việc điều tra, xác minh, thu thập chứng cứ... BLTTHS quy định cần phải cách ly họ trong thời hạn nhất định.

- Về hình thức: đối với người đó đã có quyết định tạm giữ của người có thẩm quyền theo quy định của BLTTHS. Theo quy định tại điều 110 và 117 BLTTHS 2015 thì Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra hoặc những người có thẩm quyền khác có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ.

- Về thủ tục và thời hạn tạm giữ: Theo quy định của BLTTHS thì Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra hoặc người có thẩm quyền khác ra quyết định tạm giữ trong thời hạn ba ngày. Quyết định tạm giữ được gửi cho Viện kiểm sát, có thể được gia hạn hai lần, mỗi lần không quá ba ngày; Trong mọi trường hợp gia hạn tạm giữ, quyết định gia hạn tạm giữ phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn.

b) Bị can, bị cáo theo Điều 60 và Điều 61 BLTTHS 2015 định nghĩa bị can được thay đổi như sau: “*Bị can là người hoặc pháp nhân bị khởi tố về hình sự*”. Quyền và nghĩa vụ của bị can là pháp nhân được thực hiện thông qua người đại diện theo pháp luật của pháp nhân theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. “*Bị cáo là người hoặc pháp nhân đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử*”. Quyền và nghĩa vụ của bị cáo là pháp nhân được thực hiện thông qua người đại diện theo pháp luật của pháp nhân theo quy định của pháp luật TTHS [5].

Sau khi Cơ quan điều tra kết thúc điều tra, thấy rằng có đủ chứng cứ để khẳng định rằng bị can đã phạm tội do BLHS quy định thì đề nghị Viện kiểm sát truy tố ra trước Tòa án. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa thấy rằng có đủ điều kiện để đưa vụ án ra xét xử mà không phải trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung, không có căn cứ để đình chỉ hay tạm đình chỉ vụ án thì ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Kể từ thời điểm này, bị can trở thành bị cáo trong vụ án hình sự. Cũng như bị can, bị cáo là người bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị buộc tội. Tuy nhiên, một điểm khác biệt quan trọng giữa bị cáo và bị can là bị cáo tham gia tố tụng trong một cơ chế tố tụng hoàn chỉnh, đầy đủ những người tham gia tố tụng, các cơ quan, người tiến hành tố tụng với chức năng buộc tội, gỡ tội, xét xử; thực hiện các quyền tố tụng của mình trong phiên tòa công khai, dân chủ và bình đẳng. Rõ ràng, so với bị can tham gia tố tụng (nhất là hỏi cung) trong môi trường chỉ có người buộc tội, (trường hợp cá biệt mới có người bào chữa, người chứng kiến), bị cáo tham gia tố tụng trong phiên tòa công khai, không chỉ có mặt những người tham gia tố tụng, mà còn có sự chứng kiến của công chúng. Trong quá trình xét xử, người tiến hành tố tụng khó có khả năng sử dụng các biện pháp trái pháp luật, vi phạm quyền con người của bị cáo (như đe dọa bức cung, dùng nhục hình, mua chuộc nhận tội...); trong khi đó, đối với bị can thì tình trạng này dễ xảy ra hơn. Đó là lý do mà trong thực tế rất nhiều luật sư bào chữa bức xúc cho rằng trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra thường xuyên gây khó khăn cho người bào chữa tham gia hỏi cung bị can và các hoạt động tố tụng khác; trong nhiều phiên tòa, kháng cáo phúc thẩm, khiếu nại giám đốc thẩm của mình, bị cáo thường tố cáo người tiến hành tố tụng bức cung, dùng nhục hình để bị cáo nhận tội, gây nên tình trạng oan sai trong xét xử vụ án hình sự [41, tr. 39].

1.1.3. Khái niệm bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội

Quyền con người và bảo đảm quyền con người luôn là vấn đề quan tâm hàng đầu của mỗi quốc gia. Trong lĩnh vực pháp luật, vấn đề quyền con người làm nền tảng trong việc nghiên cứu và ban hành các quy phạm. Và trong lĩnh vực tố tụng hình sự cũng vậy, việc giải quyết vụ án hình sự không thể tách rời vấn đề bảo đảm quyền con người, đặc biệt là quyền của người bị buộc tội. Bởi lẽ để buộc tội và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với một người phải dựa trên những căn cứ luật định và phải do những người, những cơ quan có thẩm quyền tiến hành theo trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định để nhằm mục đích không để lọt tội phạm đồng thời đảm bảo không làm oan người vô tội.

Bảo đảm quyền con người xét cho cùng chính là việc ghi nhận và thực hiện những cam kết trong pháp luật quốc tế về các quyền con người vào trong pháp luật mỗi quốc gia. Không thể bảo đảm quyền con người nếu chỉ dựa vào quyền tự nhiên của con người, bởi tự thân những quyền tự nhiên không thể tự mình vận hành trong một xã hội rộng lớn ở phạm vi quốc tế và phạm vi quốc gia. Phải thông qua Nhà nước, thì những cam kết quốc tế về quyền con người mới hình thành nên những địa vị pháp lý của con người, đồng thời quyền con người chỉ được bảo đảm khi được quy định bằng pháp luật và có cơ chế bảo đảm, vận hành bởi pháp luật. Do đó, bảo đảm quyền con người là sự kết hợp địa vị pháp lý và địa vị thực tế của con người trong xã hội, là một trong những biểu hiện tự do xã hội, trách nhiệm và tính tích cực công dân. Các quyền kinh tế, chính trị, xã hội chưa phải là cơ sở để thực hiện quyền và tự do của con người. Chúng chỉ trở thành những bảo đảm quyền con người qua hình thức pháp lý và những nỗ lực tổ chức bảo đảm thực hiện của Nhà nước. Bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội là đảm bảo cho những người đó có địa vị pháp lý phù hợp để bảo vệ mình trước việc bị nghi thực hiện tội phạm, bị buộc tội và những điều kiện pháp lý cũng như thực tế để họ thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định.

Tuy nhiên, bảo đảm QCN trong TTTHS không chỉ là sự ghi nhận về mặt pháp lý các QCN trong TTTHS, bảo vệ và bảo đảm thực thi các quyền đó trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự. Bảo đảm quyền con người của người phải là sự bảo đảm cho các chủ thể mang quyền được thực hiện đầy đủ và hợp pháp các quyền được đề cập trong các quy định của pháp luật.[32].

Vì vậy, theo tác giả, bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội theo pháp luật TTTHS là sự bảo đảm cho người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam, bị can, bị cáo được thực hiện trên thực tế một cách đầy đủ và hợp pháp các quyền được đề cập trong các quy định của BLTTTHS. Điều này đảm bảo cho hoạt động tố tụng hình sự phù hợp với các nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hình sự hiện nay.

1.2. Bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội theo pháp luật Tố tụng hình sự Việt Nam

1.2.1. Các quyền con người của người bị buộc tội

1.2.1.1. Các quyền con người, quyền công dân của người bị buộc tội

Quyền con người là quyền được áp dụng cho tất cả nhân loại thuộc mọi dân tộc đang sinh sống trên thế giới, không phân biệt sắc tộc, màu da, quốc tịch, tôn giáo... không bị giới hạn bởi biên giới quốc gia. Quyền công dân là tập hợp những quyền con người được pháp luật của mỗi quốc gia ghi nhận cho mỗi công dân mang quốc tịch của nước đó được hưởng và được bảo hộ, bảo đảm thực thi bằng công cụ hiệu lực hiệu quả nhất đó là pháp luật. Quyền công dân gắn với Nhà nước, thể hiện mối quan hệ giữ công dân với nhà nước được xác định bằng chế định quốc tịch [51]. Tại Điều 14 Hiến pháp 2013 quy định: “*Ở nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật*”, đồng thời quy định rõ: “*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định*

của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.” [33].

Tuy nhiên họ bị hạn chế hoặc bị mất một phần hoặc toàn bộ quyền dưới góc độ nhất định các quyền con người, quyền công dân. Khi con người, công dân bị vướng vào sự kiện pháp lý trong tố tụng hình sự và được pháp luật tố tụng hình sự và các quy định pháp luật có liên quan điều chỉnh trong trường hợp trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang, bị bắt theo quyết định truy nã hoặc người phạm tội tự thú, đầu thú và đối với họ đã có quyết định tạm giữ; bị khởi tố hình sự; hoặc bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử thì họ bị coi là người bị buộc tội. Trong những trường hợp này, người bị buộc tội trước hết là con người, là công dân nên họ có đầy đủ các quyền con người, quyền công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Người bị buộc tội bao gồm: người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam, bị can, bị cáo, người bị kết án. Tuy nhiên, do giới hạn của luận văn chỉ nghiên cứu bảo đảm quyền của người bị buộc tội theo quy định của BLTTHS nên chúng tôi chỉ nghiên cứu bảo đảm quyền của người bị buộc tội gồm: Người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam, bị can, bị cáo. Người bị kết án không nằm trong giới hạn nghiên cứu của luận văn này.

Quyền con người của người bị buộc tội được thể chế hóa trong BLTTHS 2015 như sau:

a) Quy định các quyền của người bị buộc tội

- Xuất phát từ bản chất của việc tạm giữ nhằm cách ly người bị nghi thực hiện tội phạm một cách cấp thiết trong một thời gian ngắn, Điều 59 BLTTHS 2015 quy định: Quyền của người bị tạm giữ được quy định liên quan đến hai yếu tố cấu thành của tạm giữ: tính có căn cứ của việc tạm giữ và tính hợp pháp của thủ tục tạm giữ. Trước tiên, người bị tạm giữ phải được quy định về các quyền để bảo vệ mình khỏi việc tạm giữ thiếu căn cứ. Người bị tạm giữ phải biết lý do mình bị tạm giữ. Vì tạm giữ là hậu quả tố tụng của

việc bắt quả tang, bắt khẩn cấp, truy nã, đầu thú hoặc tự thú; cho nên, người bị tạm giữ có quyền được biết tại sao họ bị bắt quả tang, bị bắt khẩn cấp, quyết định truy nã hoặc việc tự thú, đầu thú của họ. Đồng thời với quyền được biết lý do tạm giữ, người bị tạm giữ có quyền thực hiện các hành vi tố tụng mà pháp luật quy định để bác bỏ các căn cứ tạm giữ mà người có thẩm quyền đã xác định để ra quyết định tạm giữ. Người bị tạm giữ có quyền bào chữa, chứng minh, khai báo, đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu xác minh... để bác bỏ sự nghi ngờ phạm tội hay là căn cứ bắt khẩn cấp, bắt quả tang hoặc truy nã đối với mình. Người bị tạm giữ có quyền bảo vệ mình khỏi việc tạm giữ bất hợp pháp. Việc tạm giữ đối với người bị tạm giữ, ngoài việc phải có căn cứ, cần phải được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và thời hạn. Vì thế, người bị tạm giữ có quyền khiếu nại về việc tạm giữ, quyết định, hành vi của cơ quan, người tiến hành tố tụng liên quan đến việc đảm bảo thực hiện các quyền tố tụng được quy định trên. Ngoài ra, như bất kỳ người công dân khác, người bị tạm giữ có quyền được tôn trọng và bảo vệ các quyền con người khác không bị pháp luật hạn chế do bị tạm giữ như quyền được bảo hộ tính mạng, sức khỏe, quyền chính trị...

Đặc biệt, là người bị tạm giữ do bị nghi thực hiện tội phạm, do bị truy nã, nên người bị tạm giữ rất dễ bị xâm phạm các quyền tự do dân chủ như quyền được bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, quyền bảo vệ lợi ích chính đáng... mà việc xâm phạm này lại thường xuất phát từ người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng. Việc bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ tức là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi công dân khi quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm hại, đó chưa phải là quyền bào chữa từ góc độ tố tụng hình sự.

- Đối với Bị can, kể từ thời điểm quyết định khởi tố bị can, tức Nhà nước thể hiện sự buộc tội cụ thể đối với con người cụ thể, bị can là người chính thức bị buộc tội, bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Đây là điểm khác biệt

rất lớn giữa bị can và người bị bắt, người bị tạm giữ liên quan đến việc bảo đảm quyền con người của họ trong tố tụng hình sự.

Từ góc độ áp dụng các biện pháp cưỡng chế, là người đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị can có thể bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng nghiêm khắc hơn so với người bị tạm giữ hoặc người tham gia tố tụng khác. Bị can có thể bị tạm giam và bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác như cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm; bị can được hỏi cung, chứ không phải là lấy lời khai v.v... Từ góc độ bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của con người, là người đã bị buộc tội vì có căn cứ xác định là đã thực hiện tội phạm, bị can là người dễ có nguy cơ bị xâm phạm các quyền tự do dân chủ, nhất là quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền được bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm... Các xâm phạm này có thể xuất phát từ cơ quan, người tiến hành tố tụng (như bức cung, dùng nhục hình trong điều tra...) hoặc từ cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân (trả thù của người bị hại, quyết định tạm đình chỉ công tác của cơ quan, tổ chức...) [41, tr. 37].

Xuất phát từ khả năng có thể bị áp dụng nhiều biện pháp cưỡng chế tố tụng hình sự, do bị can là người chính thức bị truy cứu trách nhiệm hình sự và hậu quả pháp lý nặng nề phát sinh từ việc truy cứu đó, do khả năng bị xâm phạm quyền con người cao hơn, bị can được quy định có nhiều quyền tố tụng hơn, trách nhiệm tố tụng được nói rộng hơn để làm cơ sở pháp lý cho bị can bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bác bỏ việc buộc tội hoặc bảo vệ mình trước khả năng bị xâm phạm các quyền, lợi ích hợp pháp trong quá trình tố tụng hình sự giải quyết vụ án hình sự. Ví dụ: là người chính thức đã bị buộc tội, bị can hoàn toàn có quyền tự mình hoặc nhờ người khác sử dụng tất cả các biện pháp mà BLTTHS quy định để bào chữa, áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội; là người bị buộc tội, bị can có quyền sử dụng các biện pháp mà pháp luật không cấm để bảo vệ mình khỏi sự buộc tội như giữ quyền im lặng không khai báo, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội từ chối khai báo

hoặc cố ý khai báo sai sự thật; bị can có quyền khiếu nại với Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án về những hành vi tố tụng, quyết định tố tụng trái pháp luật, có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại do cơ quan, người tiến hành tố tụng gây ra... [41, tr. 38].

Theo quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự Việt Nam 2015, quyền con người của người bị buộc tội được thể hiện thông qua hệ thống các nguyên tắc và được cụ thể hóa trong các chế định chứng minh, chứng cứ, các biện pháp ngăn chặn, nghĩa vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng; trong các quy định về xét xử của Tòa án và vấn đề minh oan cho người bị oan...

Về quyền của người bị buộc tội BLTTHS nước ta quy định khá đầy đủ các quyền của người bị buộc tội như: quyền được biết mình bị buộc tội về tội gì; Quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa cho mình; Quyền được chứng minh sự vô tội của mình bằng việc đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu; Quyền được khiếu nại các quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng; Quyền được tham gia phiên tòa và tranh luận tại phiên tòa; Quyền không bị xét xử một cách quá chậm trễ thể hiện các quy định về thời hạn tạm giữ để khởi tố vụ án, thời hạn điều tra, thời hạn truy tố, thời hạn xét xử... ví dụ như: hết thời hạn tạm giữ nếu cơ quan điều tra không có căn cứ khởi tố bị can thì phải trả tự do cho người bị tạm giữ; nếu hết thời hạn điều tra không chứng minh được tội phạm thì phải đình chỉ điều tra, hủy bỏ quyết định khởi tố bị can, trả lại cho họ trạng thái bình thường của người vô tội và xin lỗi công khai, bồi thường nhà nước...

- Đối với bị cáo, khi một người bị buộc tội thì họ phải được xét xử tại tòa án độc lập, công khai và công bằng. Cụ thể hóa nguyên tắc này, Hiến pháp cũng như BLTTHS nước ta có những quy định chặt chẽ về thủ tục xét xử vụ án hình sự tại Tòa án trong đó ghi nhận vai trò của Tòa án trong việc xét xử, đồng thời quy định các quyền của bị cáo tại giai đoạn xét xử. Đó là việc quy định cụ thể thời hạn xét xử cho từng loại tội cụ thể. Quy định quyền của bị

cáo trước tòa như: tự mình bào chữa, nhờ người bào chữa, tranh tụng bình đẳng với bên buộc tội ... Quy định quyền kháng cáo và nguyên tắc hai cấp xét xử. Những quy định này nhằm đảm bảo quyền được xét xử công bằng và có một bản án công bằng của người bị buộc tội.

b) Quy định quyền và nghĩa vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng

Để tạo điều kiện cho các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện chức năng phát hiện, xử lý tội phạm, pháp luật cho phép họ được áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong đó hạn chế một số quyền tự do của người bị tình nghi, bị can, bị cáo. Tuy nhiên, sự hạn chế tự do của người bị buộc tội phải đảm bảo nguyên tắc pháp chế, tránh sự lạm quyền. Pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam quy định khá chặt chẽ các căn cứ để áp dụng biện pháp ngăn chặn như tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú... cũng như các biện pháp cưỡng chế trách nhiệm hình sự khác như khám người, khám chỗ ở... Tất cả các biện pháp cưỡng chế trách nhiệm hình sự trên đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng không được áp dụng tùy tiện, lạm dụng mà chỉ được thực hiện khi có căn cứ và theo đúng trình tự, thủ tục luật định. Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn và cưỡng chế tố tụng hình sự đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng vừa đảm bảo nhiệm vụ phát hiện, xử lý tội phạm, vừa không xâm phạm đến quyền con người của người bị buộc tội.

BLTTHS quy định nguyên tắc suy đoán vô tội chỉ rõ trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về bên buộc tội. Điều đó cũng có nghĩa bên buộc tội nếu không chứng minh được một người nào đó phạm tội thì phải tha bổng và tuyên bố người đó vô tội. Tuy nhiên, không phải khi đã tuyên bố trách nhiệm chứng minh thuộc về bên buộc tội thì bên này có thể dùng mọi biện pháp để thu thập chứng cứ, mọi biện pháp điều tra để phục vụ cho việc chứng minh của mình, kể cả những biện pháp xâm phạm đến quyền con người. Hoạt động chứng minh nói riêng và thu thập chứng cứ nói chung cần phải tuân thủ nghiêm ngặt trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật [28].

Viện kiểm sát là cơ quan duy nhất được giao chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Hoạt động công tố và kiểm sát điều tra được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án hình sự và trong suốt quá trình điều tra các vụ án hình sự. Công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều phải được khởi tố, điều tra và xử lý kịp thời, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội; không để người nào bị khởi tố, bị bắt, tạm giữ, tạm giam, bị hạn chế các quyền công dân, bị xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm một cách trái pháp luật; việc điều tra được khách quan, toàn diện, đầy đủ, chính xác, đúng pháp luật; những vi phạm pháp luật trong quá trình điều tra được phát hiện kịp thời; khắc phục và xử lý nghiêm minh; việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị can phải có căn cứ và đúng pháp luật.

Khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, Viện kiểm sát có nhiệm vụ, quyền hạn: Khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can; yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố hoặc thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can; đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra tiến hành điều tra; khi xét thấy cần thiết, trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật; yêu cầu Thủ trưởng Cơ quan điều tra thay đổi Điều tra viên theo quy định của pháp luật; nếu hành vi của Điều tra viên có dấu hiệu tội phạm thì khởi tố về hình sự; quyết định áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam và các biện pháp ngăn chặn khác; quyết định phê chuẩn, quyết định không phê chuẩn các quyết định của Cơ quan điều tra theo quy định của pháp luật. Trường hợp không phê chuẩn thì trong quyết định không phê chuẩn phải nêu rõ lý do; huỷ bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của Cơ quan điều tra; yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can; quyết định việc truy tố bị can; quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án.

Khi thực hiện công tác kiểm sát điều tra, Viện kiểm sát có nhiệm vụ, quyền hạn: Kiểm sát việc khởi tố, kiểm sát các hoạt động điều tra và việc lập hồ sơ vụ án của Cơ quan điều tra; kiểm sát việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng; giải quyết các tranh chấp về thẩm quyền điều tra; yêu cầu Cơ quan điều tra khắc phục vi phạm pháp luật trong hoạt động điều tra; yêu cầu Cơ quan điều tra cung cấp tài liệu cần thiết về vi phạm pháp luật của Điều tra viên; yêu cầu Thủ trưởng Cơ quan điều tra xử lý nghiêm minh Điều tra viên vi phạm pháp luật trong khi tiến hành điều tra; kiến nghị với cơ quan, tổ chức và đơn vị hữu quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.

Ngoài ra, pháp luật TTTHS có cơ chế bảo vệ đặc biệt đó là người bị buộc tội là người chưa thành niên. Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, bình đẳng trước tòa và bảo đảm quyền xét xử công bằng, là nguyên tắc của tố tụng hình sự. Tuy nhiên, công bằng có thể hiểu theo chiều ngang và chiều dọc. Theo chiều ngang là đối xử như nhau với những người có hoàn cảnh và điều kiện như nhau. Theo chiều dọc là đối xử khác nhau với những người có hoàn cảnh khác nhau. BLTTTHS hiện hành đã giành cho người chưa thành niên bị buộc tội một thủ tục tố tụng hình sự riêng. Đó là những quy định hạn chế tối đa việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, tạm giữ, tạm giam. Quy định việc có mặt của người đại diện trong quá trình tố tụng hình sự, quy định thành phần Hội đồng xét xử phải có Hội thẩm nhân dân là cán bộ Đoàn, giáo viên... [28].

1.2.1.2. Các quyền tố tụng của người bị buộc tội

Hiến pháp năm 2013 đã có những quy định nhằm tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Bộ luật tố tụng hình sự 2015 đã cụ thể hóa về quyền của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị buộc tội tại các Điều 58, 59, 60, 61 của Bộ luật. Trong BLTTTHS 2015, những quy định về quyền của người bị buộc tội có thể khái quát như sau:

a) Quy định về quyền của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt (Điều 58 BLTTHS 2015)

Hiến pháp năm 2013 quy định không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. [33]. Việc bắt và giam giữ người phải đúng pháp luật.

BLTTHS 2015 bổ sung một số điều luật mới nhằm xác định tư cách tham gia tố tụng của “người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và người bị bắt”. [5]. Người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt là người bị nghi phạm tội vì vậy lời khai ban đầu của họ có ý nghĩa quan trọng đối với việc xác định lý do họ bị giữ, bị bắt và góp phần làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Việc quy định rõ địa vị pháp lý của họ với tư cách là người tham gia tố tụng góp phần bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong tố tụng hình sự và hạn chế oan, sai trong quá trình giải quyết vụ án.

Theo điểm g, khoản 1 Điều 58 BLTTHS 2015 thì người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người bào chữa. Quy định này là cần thiết và có ý nghĩa đối với việc bảo đảm quyền con người của người bị giữ trong TTHS. Người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang và người bị bắt theo quyết định truy nã có quyền: được nghe, nhận lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, quyết định phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, quyết định truy nã; được biết lý do mình bị giữ, bị bắt, được thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ quy định; trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội.

Tại các Điều 58, 59, 60, 61 BLTTHS 2015 quy định người bị buộc tội có quyền trình bày lời khai khi đưa ra ý kiến, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt có quyền “*không buộc phải đưa ra lời khai chống lại*

chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội” [5]. Theo đó, trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng, bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội; đối với người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt có quyền trình bày lời khai, đưa ra ý kiến hoặc chứng minh sự vô tội của mình được quy định là quyền mà không phải là nghĩa vụ của họ. Do đó, họ có thể thực hiện hoặc không thực hiện quyền này. Quy định này phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 mà Việt Nam là thành viên.

Ngoài ra, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt còn có quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tố tụng kiểm tra, đánh giá; tự bào chữa, nhờ người bào chữa; khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có nhiệm vụ, quyền hạn trong việc bắt.

b) Quy định về quyền của người bị tạm giữ (Điều 59 BLTTHS 2015)

Người bị tạm giữ là người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang, bị bắt theo quyết định truy nã hoặc người phạm tội tự thú, đầu thú và đối với họ đã có quyết định tạm giữ. BLTTHS 2015 quy định, người bị tạm giữ gồm: Người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang, bị bắt theo quyết định truy nã hoặc người phạm tội tự thú, đầu thú và đối với họ đã có quyết định tạm giữ [5].

Để tạo điều kiện cho người bị tạm giữ tham gia tố tụng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, ngoài các quyền đã được quy định trong BLTTHS năm 2003 như: Được biết lý do mình bị tạm giữ; được giải thích quyền và nghĩa vụ; được trình bày lời khai, được tự bào chữa hoặc nhờ người bào chữa; được đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu; khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. BLTTHS năm 2015 quy định bổ sung các quyền: Được nhận quyết định tạm giữ, quyết định ra hạn tạm giữ, quyết định phê chuẩn quyết định ra hạn tạm giữ và các quyết định tố

tụng khác; được đưa ra chứng cứ, được trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại mình hoặc buộc phải nhận mình có tội; được trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá.[34].

c) Quy định về quyền của bị can (Điều 60 BLTTHS 2015)

Bị can là người hoặc pháp nhân bị khởi tố về hình sự. Bị can theo quy định của BLTTHS 2003 là người đã bị khởi tố về hình sự, nhưng Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có sự thay đổi nhận thức về chủ thể của tội phạm không chỉ là cá nhân mà còn là pháp nhân. Sự thay đổi của Luật hình sự (luật nội dung) kéo theo sự thay đổi của luật tố tụng hình sự (luật hình thức). Do vậy, khái niệm bị can được hiểu rộng hơn là người hoặc pháp nhân bị khởi tố về hình sự. Quyền và nghĩa vụ của bị can là pháp nhân được thực hiện thông qua người đại diện theo pháp luật của pháp nhân và theo quy định của BLTTHS.

Ngoài những quyền được quy định trong BLTTHS 2003 như: Được biết lý do mình bị khởi tố; Được thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ; Nhận quyết định khởi tố bị can, quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, bản kết luận điều tra; Quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án; bản cáo trạng, quyết định truy tố và các quyết định tố tụng khác theo quy định của Bộ luật này; Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; Tự bào chữa, nhờ người bào chữa; Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. BLTTHS 2015 đã bổ sung thêm một số quyền để bị can có những thông tin cần thiết liên quan đến việc bị khởi tố và bảo vệ quyền lợi của mình. Đó là: (1) Quyền “*Được biết lý do mình bị khởi tố*”. Bị can cần phải biết họ bị khởi tố về tội gì, và tại sao mình lại bị khởi tố, không có quyền đó thì họ không thể thực hiện được quyền bào chữa của mình. Việc giải thích cho bị can quyền và nghĩa vụ và lý do mình bị khởi tố cũng chính là để bị can nắm bắt được thông tin, chủ động trong việc thực hiện quyền bào chữa của mình.

Trách nhiệm giải thích cho bị can trong trường hợp này thuộc về Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát và phải được ghi lại nội dung theo biên bản hỏi cung, đưa vào hồ sơ vụ án, đồng thời giúp bị can biết được các quyền để chống lại khi bị xâm hại đến tính mạng, sức khỏe một cách trái pháp luật. (2) Quyền được “...trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội”. Đây là một trong những quyền quan trọng của bị can, bị cáo và giải quyết được những bất cập trong các vụ án mà các cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng lời khai bất lợi cho bị can, bị cáo hoặc chỉ sử dụng duy nhất lời nhận tội của họ để kết tội khi đưa ra truy tố, xét xử. Như vậy, bị can, bị cáo đều có quyền tự chủ về việc khai báo. Những gì bất lợi, họ có thể không buộc phải khai báo cũng như không buộc phải nhận mình có tội trước cơ quan tiến hành tố tụng hình sự. Khi làm việc với các cơ quan tố tụng, họ có thể không trả lời một số câu hỏi mà họ cho là chống lại họ và cũng không buộc phải khai nhận mình có tội, quy định này nhằm bảo đảm tính minh bạch của pháp luật, tạo sự nhận thức thống nhất trong quá trình lấy lời khai, hỏi cung. Trên thực tế, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng luôn mong đợi sự hợp tác của người bị buộc tội, nhưng nếu không nhận được sự hợp tác tích cực của người bị buộc tội thì cũng không thể coi đó là tình tiết tăng nặng được. Bị can, bị cáo có quyền khai báo sau khi được giải thích về quyền này. (3) Quyền được “Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá”. Sau khi đưa ra những chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu, để có thể tự gỡ tội cho mình hoặc dùng làm tình tiết giảm nhẹ, bị can có quyền trình bày ý kiến của mình về những vật đó, và nếu cần thiết có thể yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá về tính xác thực, đúng đắn của những vật này. (4) Quyền được “Đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa kể từ khi kết thúc điều tra khi có yêu cầu”. Phải

bảo đảm cho bị can xem xét tất cả những tài liệu liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội cũng như việc bào chữa sau khi kết thúc điều tra để cho bị can biết mình bị buộc tội gì và bằng những chứng cứ nào. Từ đó, bị can có thể thực hiện tốt quyền bào chữa của mình và Điều tra viên có trách nhiệm hơn trong quá trình tiến hành điều tra vụ án.

d) Quy định về quyền của bị cáo (Điều 61 BLTTHS 2015)

Bị cáo là người hoặc pháp nhân đã bị tòa án quyết định đưa ra xét xử. Để bị cáo thực hiện tốt hơn quyền bào chữa của mình. BLTTHS quy định quyền của bị cáo là pháp nhân đã được thực hiện thông qua người đại diện theo pháp luật của pháp nhân theo quy định của BLTTHS.

Ngoài những quyền đã được ghi nhận trong BLTTHS 2003 như: Được nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, bản án, quyết định của Tòa án và các quyết định tố tụng khác; Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa; nói lời sau cùng trước khi nghị án; kháng cáo bản án, quyết định của tòa án; quyền xem biên bản phiên tòa, yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa và các quyền khác theo quy định của pháp luật; khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. BLTTHS 2015 không chỉ quy định rõ ràng hơn mà còn bổ sung thêm một số quyền như: (1) Quyền được “*Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá*”. Thường thì những chứng cứ, tài liệu, đồ vật này có ý nghĩa gỡ tội cho bị cáo, chứng minh bị cáo không phạm tội hoặc chứng minh những tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử khi nhận được các chứng cứ, tài liệu, đồ vật do bị cáo cung cấp thì phải tiến hành kiểm tra, đánh giá khách quan để xác định các chứng cứ, tài liệu, đồ vật đó có phải là chứng cứ trong vụ án hay không và giá trị của nó trong việc xác định sự thật của vụ án. (2) Quyền

được “*Trình bày lời khai, ..., không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội*”. Tại phiên tòa trước Hội đồng xét xử, bị cáo có quyền được trình bày về lời khai của mình, hoặc họ có thể không buộc phải khai báo cũng như không buộc phải nhận mình có tội trước Hội đồng xét xử. (3) Quyền “*Đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi hoặc tự mình hỏi người tham gia phiên tòa nếu được chủ tọa đồng ý; tranh luận tại phiên tòa*”. Việc đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi hoặc tự mình hỏi người tham gia phiên tòa sẽ làm tăng tính chủ động cho bị cáo, giúp bị cáo thực hiện quyền bào chữa của mình được tốt hơn, việc hỏi cũng như đối chất trực tiếp tại phiên tòa sẽ là căn cứ quan trọng làm cho việc xét xử được khách quan hơn cũng như tăng tính thuyết phục hơn. (4) Quyền được “*Xem biên bản phiên tòa, yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa*”. Để tránh sai sót trong việc ghi chép lại quá trình diễn ra tại phiên tòa, bị cáo có quyền xem biên bản phiên tòa và yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản đó, điều này đồng nghĩa với việc bị cáo đồng ý với quá trình xét xử nếu không có những yêu cầu bổ sung hoặc thay đổi khác. (5) Bị cáo còn có “*Các quyền khác theo quy định của pháp luật*”.

Như vậy, những quy định về quyền của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt (người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang, người bị bắt theo quyết định truy nã); người bị tạm giữ, bị can và bị cáo trong tổ tụng hình sự sẽ góp phần nâng cao chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử; nâng cao trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Mọi hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải được đảm bảo thực hiện khách quan, công tâm, đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định, bảo đảm việc khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử đối với người bị buộc tội đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và làm oan người vô tội, tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền của người bị buộc tội.

1.2.2. Nội dung bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam

1.2.2.1. Bảo đảm các quyền con người, quyền công dân chung của người bị buộc tội

Các quyền cơ bản của công dân đã được quy định trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật chuyên ngành khác. Người bị buộc tội cũng là một công dân, vì vậy họ có quyền được tôn trọng và bảo đảm các quyền được pháp luật quy định, trừ các trường hợp BLTTHS quy định khác nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ tố tụng hình sự.

Tố tụng hình sự là hoạt động đặc biệt liên quan đến việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự liên quan đến việc phát hiện, xử lý hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định là tội phạm và xử phạt người phạm tội. Vì vậy, để đạt được mục đích của tố tụng hình sự, pháp luật tố tụng hình sự của bất kỳ một quốc gia nào cũng có quy định về những biện pháp cưỡng chế tố tụng, các hành vi, quyết định tố tụng đụng chạm đến quyền, lợi ích của công dân. Hay nói cách khác, cưỡng chế tố tụng hình sự, khả năng ảnh hưởng của hoạt động tố tụng hình sự tới các quyền con người của công dân là tất yếu [41, tr. 41].

Việc bảo đảm các quyền công dân chung của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự chủ yếu tập trung vào một số nội dung sau đây:

Một là, quy định đúng đắn, hợp lý về nội dung và thực hiện các nguyên tắc tố tụng hình sự. Trong khoa học luật tố tụng hình sự, các nguyên tắc tố tụng hình sự cần được phân chia thành các nhóm khác nhau để nghiên cứu, bao gồm: 1/ Các nguyên tắc bảo đảm pháp chế trong hoạt động tố tụng; 2/ Các nguyên tắc liên quan đến xác định sự thật khách quan của vụ án; 3/ Các nguyên tắc thể hiện tính dân chủ trong hoạt động tố tụng; 4/ Các nguyên tắc bảo đảm quyền con người của người tham gia tố tụng [43, tr.34-46], [16, tr.125-133], [37].

Trong số các nguyên tắc tố tụng hình sự cơ bản được quy định trong BLTTHS 2003, các nguyên tắc thuộc nhóm thứ tư được thể hiện rõ nhất quan điểm của người làm luật liên quan đến bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân. Đó là: nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ các quyền cơ bản của công dân (điều 4), nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật (điều 5), nguyên tắc bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân (điều 6), nguyên tắc bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của công dân (điều 7), nguyên tắc bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân (điều 8), nguyên tắc không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật (điều 9), nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội (điều 11), nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước Tòa án (điều 19), nguyên tắc bảo đảm quyền được bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi của người bị oan (điều 29) và nguyên tắc bảo đảm quyền được bồi thường của người bị thiệt hại do cơ quan hoặc người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự gây ra (điều 30) v.v... Ngoài ra, các nguyên tắc tố tụng khác ở mức độ này hay mức độ khác, góc độ này hay góc độ khác đều trực tiếp hay gián tiếp liên quan đến việc bảo đảm quyền con người của người tham gia tố tụng nói chung, của người bị buộc tội nói riêng trong tố tụng hình sự [34], [41, tr. 42];

Hai là, quy định đầy đủ, hợp lý địa vị pháp lý của các chủ thể tố tụng hình sự. Việc quy định đầy đủ các quyền tố tụng của người bị buộc tội là bảo đảm pháp lý quan trọng để họ sử dụng bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đồng thời cũng là cơ sở pháp lý làm phát sinh trách nhiệm của các cơ quan, người tiến hành tố tụng bảo đảm cho việc thực hiện các quyền của người bị buộc tội cũng như trách nhiệm pháp lý khi các cơ quan, người tiến hành tố tụng vi phạm quyền của người tham gia tố tụng.

Ba là, quy định hợp lý các biện pháp cưỡng chế tố tụng. Tính cưỡng chế trong tố tụng hình sự hiện diện ở nhiều hình thức, biện pháp tố tụng khác nhau như các biện pháp ngăn chặn, thủ tục tiến hành các biện pháp điều tra (khám xét, xem xét dấu vết, thu giữ vật chứng...). Tuy nhiên, việc quy định và áp dụng các biện pháp ngăn chặn là ảnh hưởng lớn nhất đến quyền con người của người bị buộc tội. Thực tiễn tố tụng những năm qua cho thấy rằng các vấn đề như thẩm quyền, căn cứ áp dụng các biện pháp ngăn chặn cụ thể, thời hạn tạm giữ, tạm giam... là những vấn đề đang có ý kiến khác nhau và cũng gây không ít bức xúc trong dư luận xã hội trong việc bảo đảm quyền con người trong hoạt động tố tụng ở nước ta;

Bốn là, quy định các thủ tục tố tụng hình sự dân chủ, công khai. Dân chủ hóa các mặt đời sống xã hội, trong đó có hoạt động tố tụng là xu thế tất yếu của Nhà nước pháp quyền. Dân chủ hóa quá trình tố tụng hình sự, đảm bảo cho những người tham gia tố tụng, nhất là người bị buộc tội thực hiện các quyền tố tụng của mình là những biện pháp hiệu quả bảo đảm quyền công dân của người bị buộc tội;

Năm là, quy định và thực hiện việc giám sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động của cơ quan, người tiến hành tố tụng;

Sáu là, quy định cụ thể quyền khiếu nại của người bị buộc tội đối với hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng;

Bảy là, quy định đầy đủ và chặt chẽ chế độ trách nhiệm đối với việc vi phạm quyền con người trong tố tụng hình sự v.v... [41, tr. 42-43].

1.2.2.2. Bảo đảm các quyền tố tụng của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự

Người bị buộc tội là người bị nghi thực hiện tội phạm (người bị tạm giữ), bị truy cứu trách nhiệm hình sự (bị can, bị cáo). Do đó, người bị buộc tội là người tham gia tố tụng có vị trí trung tâm, quyết định trong toàn bộ quá trình tố tụng hình sự, mọi hoạt động tố tụng hình sự đều tập trung vào việc

xác định tội phạm và người thực hiện tội phạm để trên cơ sở đó có quyết định xử lý phù hợp với quy định pháp luật. Vì vậy, có thể nói, các quy định của BLTTHS, các hoạt động tố tụng hình sự của cơ quan, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đều liên quan đến người bị buộc tội một cách trực tiếp hay gián tiếp. [41, tr.44]. Việc bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội trong TTHS là xây dựng cơ sở pháp lý và tạo điều kiện trên thực tế nhằm bảo đảm:

a) Người bị buộc tội có khả năng chứng minh bác bỏ sự nghi ngờ phạm tội, sự buộc tội từ phía cơ quan có thẩm quyền và làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với tội phạm mà người đó thực hiện;

b) Những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng xác định chính xác, khách quan tội phạm, người phạm tội và áp dụng đúng đắn các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Quyền công dân, quyền tố tụng đều là các nội dung có quan hệ mật thiết, biện chứng lẫn nhau của quyền con người của người bị buộc tội trong TTHS. Người bị buộc tội chỉ có thể thực hiện đầy đủ các quyền tố tụng của mình nếu quyền công dân của họ được tôn trọng và bảo đảm; và ngược lại, người bị buộc tội không thể được bảo đảm quyền công dân nếu các quyền tố tụng quan trọng của người bị buộc tội không được bảo đảm thực hiện. Vì vậy, việc nghiên cứu cũng như thực hiện việc bảo đảm quyền công dân chung của người bị buộc tội kết hợp với nghiên cứu các quyền tố tụng của người bị buộc tội là điều cần thiết. Có như vậy, quyền con người của người bị buộc tội trong TTHS mới được bảo đảm một cách toàn diện hiệu quả, góp phần không chỉ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, mà còn lợi ích Nhà nước, cộng đồng và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của TTHS [41].

Vì vậy, vấn đề bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội trong TTHS là cần tập trung nghiên cứu, phân tích các nội dung quy định của BLTTHS và việc thực hiện các quy định đó trên thực tế, cụ thể như sau:

- Các nguyên tắc cơ bản TTTHS liên quan đến bảo đảm quyền con người trong TTTHS như tôn trọng và bảo vệ các quyền cơ bản của công dân; bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân; nguyên tắc xác định sự thật khách quan của vụ án; nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội; nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước Tòa án nguyên tắc bảo đảm quyền được bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự... Các nguyên tắc cơ bản tố tụng hình sự là tư tưởng chỉ đạo được quy định trong BLTTTHS cần được tuân thủ trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự nhằm việc bảo vệ quyền tự do, dân chủ của công dân, đến quyền tố tụng của những người tham gia tố tụng có ý nghĩa rất quan trọng trong việc bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội;

- Địa vị tố tụng của người tiến hành tố tụng và người bị buộc tội trong TTTHS. Đặc biệt, cần tập trung vào việc nghiên cứu trách nhiệm của cơ quan, người tiến hành tố tụng hình sự đặt trong mối quan hệ với người bị buộc tội và quyền tố tụng của người bị buộc tội trong TTTHS. Điều đó thể hiện rõ nhất tính chất dân chủ trong xã hội trong quá trình tố tụng hình sự. Tăng cường trách nhiệm của cơ quan, người tiến hành tố tụng, quyền của người tham gia tố tụng là điều kiện rất quan trọng để đảm bảo quyền con người của người bị buộc tội trong TTTHS [41, tr. 46-47];

- Chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự để đảm bảo tính chính xác, khách quan của quá trình tố tụng. Quy định một cách chặt chẽ về chứng cứ, các đặc điểm của chứng cứ và thủ tục chứng minh (thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ) có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong việc đảm bảo cho việc xử lý chính xác, khách quan vụ án, đảm bảo cho Tòa án ra bản án, quyết định đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm cũng như không để oan sai.; từ đó là việc bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội; [41]

- Các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự. Đặc biệt, chú trọng đến thẩm quyền (áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp), căn cứ áp dụng, thời

hạn áp dụng các biện pháp ngăn chặn. Biện pháp ngăn chặn là biện pháp cưỡng chế tố tụng được người có thẩm quyền áp dụng đối với người bị nghi thực hiện tội phạm, bị can, bị cáo khi có đủ căn cứ luật định nhằm ngăn chặn hành vi nguy hiểm cho xã hội, ngăn ngừa họ tiếp tục phạm tội, trốn tránh pháp luật hoặc có hành động gây cản trở cho việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Trong TTHS, chỉ có người bị buộc tội là những đối tượng duy nhất bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, vì vậy, quy định và áp dụng biện pháp ngăn chặn đúng thẩm quyền, đúng căn cứ, đúng thủ tục và đúng thời hạn... là những đảm bảo quan trọng cho việc bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội [41];

- Các thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử là cách thức, trình tự thực hiện hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thủ tục tố tụng một mặt bảo đảm cho hoạt động tố tụng tiến hành được chính xác, khách quan; một mặt đảm bảo không xâm phạm quyền công dân cũng như bảo đảm cho người bị buộc tội thực hiện đầy đủ các quyền tố tụng, đảm bảo cho việc giải quyết vụ án dân chủ, công khai, khách quan. Quy định thủ tục tố tụng chặt chẽ tức là đã giới hạn để người tiến hành tố tụng thực hiện những hành vi tố tụng được BLTTHS quy định, từ đó tránh được việc xâm phạm quyền con người [41];

- Các quy định về khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự. Bảo đảm cho người bị buộc tội quyền khiếu nại, tố cáo đối với hành vi của người tiến hành tố tụng vi phạm pháp luật nói chung, xâm phạm quyền con người nói riêng và trình tự, thủ tục giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo đó là một trong những biện pháp quan trọng để bảo vệ quyền con người của họ trong TTHS. Xác minh và giải quyết đúng đắn các khiếu nại tư pháp, một mặt nhằm ngăn chặn kịp thời các vi phạm pháp luật xảy ra trong quá trình tố tụng, kịp thời bảo vệ quyền con người của người tham gia tố tụng; mặt khác đảm bảo cho hoạt động tố tụng hình sự được thực hiện chính xác, khách quan [41, tr. 46-48].

1.2.3. Các yếu tố bảo đảm thực hiện quyền của người bị buộc tội theo pháp luật TTHS Việt Nam

1.2.3.1. Bảo đảm về mặt lý luận

Tiếp tục nghiên cứu các vấn đề lý luận về quyền con người trong đó có quyền con người trong tố tụng hình sự để đưa đến nhận thức đúng đắn về vấn đề quyền con người như một giá trị của nhân loại. Khả năng, điều kiện tiếp thu các giá trị đó vào hoàn cảnh Việt Nam trên các phương diện lập pháp và thực tiễn. Tức là cần luận giải tính phổ biến và tính đặc thù của quyền con người nói chung và quyền con người trong tố tụng hình sự nói riêng. Yêu cầu đối với nghiên cứu lý luận về quyền con người trong tố tụng hình sự là phải đảm bảo được chiều sâu, tính đa dạng, khách quan của lý luận về quyền con người, phản ánh được thực tiễn sinh động của quá trình tố tụng hình sự và đảm bảo tính khả thi của các giải pháp [23], [28].

1.2.3.2. Bảo đảm về mặt pháp lý

Quyền con người trong TTHS được đặt ra chỉ khi nhà nước tiến hành hoạt động TTHS. Chính vì vậy, bảo vệ quyền con người trong TTHS trước hết đòi hỏi một hệ thống pháp luật không chỉ giúp nhà nước phát hiện xử lý tội phạm mà còn không làm oan người vô tội.

Dưới góc độ bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội, quy định pháp luật TTHS cần ghi nhận đầy đủ các quyền con người trong TTHS trên cơ sở các chuẩn mực trong nước và quốc tế về quyền con người trong tố tụng hình sự. Bên cạnh việc ghi nhận những quyền của người bị buộc tội, cần phải có một cơ chế để bảo đảm, bảo vệ các quyền con người đó. Trong thực tế hiện nay một số quyền của người bị buộc tội đã được pháp luật ghi nhận nhưng lại chưa có cơ chế nào để bảo vệ nó. Chẳng hạn như quyền bào chữa, quyền thu thập đưa ra chứng cứ của người bào chữa, người bị buộc tội, quyền im lặng... được ghi nhận nhưng cơ chế để những người này thực hiện thì hiện chưa được quy định rõ ràng.

Bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự cũng có nghĩa là nếu người nào có những hành vi xâm phạm đến quyền con người trong tố tụng hình sự thì có chế tài nghiêm khắc để xử lý. Trong thực tiễn tố tụng hình sự, một vụ án bị chậm trễ đưa ra xét xử, một quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn không hợp lý và hợp pháp...đều chưa có chế tài cụ thể. Bên cạnh đó, việc bảo vệ người tố giác tội phạm, người làm chứng trong vụ án hình sự chưa được quan tâm đúng mức nên vẫn có những trường hợp họ bị trù dập, bị trả thù, bị đe dọa. Do vậy, quyền con người vẫn chưa được bảo đảm trong một số trường hợp nhất định và kéo theo đó chính là chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp hình sự vẫn còn chưa cao [28]

1.2.3.3. Bảo đảm về mặt tổ chức

Về mặt tổ chức, các cơ quan tiến hành tố tụng phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau đây:

- Đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp theo hướng phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp trong hoạt động tố tụng hình sự; tăng quyền hạn, trách nhiệm cho Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán. Có như vậy, hoạt động tố tụng mới chủ động, khách quan, hiệu quả; người tiến hành tố tụng mới phản ứng kịp thời với tình hình và dám tự mình chịu trách nhiệm về các quyết định của mình [21];

- Đảm bảo quyền hạn phải đi đôi với trách nhiệm trong hoạt động tố tụng của người tiến hành tố tụng. Không để xảy ra tình trạng quyền hạn của một người, còn trách nhiệm lại thuộc về người khác hoặc tình trạng quyền hạn thì quy định cụ thể nhưng trách nhiệm thì chung chung. Chỉ khi quyền hạn đi liền với trách nhiệm thì người tiến hành tố tụng mới thận trọng hơn trong thực hiện nhiệm vụ tố tụng của mình góp phần xử lý vụ án đúng đắn, khách quan;

- Đảm bảo nguyên tắc độc lập trong tố tụng hình sự. Người trực tiếp tiến hành các hoạt động tố tụng phải là người được quyết định các vấn đề liên quan đến việc giải quyết vụ án;

- Các quy định phải đảm bảo tính khả thi. Nhiệm vụ, quyền hạn được quy định phải được bảo đảm thực hiện bằng các quy định của pháp luật, bằng các biện pháp tổ chức và có cơ chế kiểm tra, giám sát cụ thể, chặt chẽ v.v...

1.2.3.4. Đảm bảo về mặt nhận thức

Cần nâng cao nhận thức về quyền con người, hay nói cách khác là tăng cường giáo dục quyền con người cho những người tiến hành tố tụng là các Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, bởi một điều mà người ta lo ngại nhất khi nói đến vấn đề bảo vệ QCN trong TTTH đó chính là sự xâm phạm quyền con người từ phía các cơ quan có thẩm quyền, sự xâm phạm này không chỉ thể hiện ở việc pháp luật còn nhiều lỗ hổng mà phần nhiều nằm ở chính hoạt động cụ thể của những người tiến hành tố tụng.

Đối với người bị buộc tội, cần nâng cao khả năng nhận thức tự bảo vệ quyền con người của họ bằng việc tạo điều kiện tốt nhất để họ có thể tiếp cận các dịch vụ pháp lý thực hiện quyền bào chữa của mình trong quá trình tố tụng như yêu cầu được có người bào chữa đối với trường hợp người bị buộc tội thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý theo quy định; thuê người bào chữa, thu thập chứng cứ...

Kết luận chương 1

Con người là vốn quý của tự nhiên và xã hội, quyền con người là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Bảo đảm quyền con người là một trong những mục tiêu của xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02-6-2005 của Bộ chính trị “Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” khẳng định: “Đòi hỏi của công dân và xã hội đối với cơ quan tư pháp ngày càng cao; các cơ quan tư pháp phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, đồng thời phải là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm và vi phạm”. [7]. Nhà nước bảo đảm

thực hiện quyền con người bằng các biện pháp liên quan đến hoạt động lập pháp và hoạt động thi hành pháp luật của Nhà nước, các biện pháp liên quan đến chế độ trách nhiệm của cơ quan Nhà nước, cán bộ, công chức trong việc bảo vệ các quyền con người, các biện pháp xử lý vi phạm quyền con người, các biện pháp bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo của công dân và các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ trong hoạt động của Nhà nước. Hoạt động tố tụng hình sự liên quan rất lớn tới việc bảo đảm quyền con người nói chung, đặc biệt là người bị buộc tội nói riêng. Trong tố tụng hình sự, người bị buộc tội là người bị cơ quan tiến hành tố tụng coi là người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được BLHS quy định là tội phạm. Như vậy, người bị buộc tội đều chỉ là những người bị nghi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được BLHS quy định là tội phạm ở các mức độ khác nhau. Tuy nhiên, vì chưa có bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án đối với họ, cho nên người bị buộc tội chưa phải là người phạm tội. Cho nên, từ góc độ bảo đảm quyền con người, các biện pháp cưỡng chế tố tụng, các hạn chế tố tụng đối với họ chỉ ở mức cần và đủ để đạt được mục đích tố tụng là phát hiện nhanh chóng, xử lý công minh tội phạm và người phạm tội.

Chương 2

THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH

2.1. Tổng quan thực trạng bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

2.1.1. Tổng quan tình hình chính trị, kinh tế và công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung ở tỉnh Bắc Ninh

Bắc Ninh là một tỉnh thuộc vùng đồng bằng Sông Hồng, nằm trong tam giác kinh tế trọng điểm Hà Nội- Hải Phòng- Quảng Ninh và là cửa ngõ phía Đông Bắc của thủ đô Hà Nội. Tỉnh có địa giới hành chính tiếp giáp với các tỉnh: Bắc Giang ở phía Bắc, Hải Dương ở phía Đông Nam, Hưng Yên ở phía Nam và thủ đô Hà Nội ở phía Tây. Theo số liệu thống kê năm 2010 tỉnh Bắc Ninh có diện tích tự nhiên 823km² với tổng dân số 1.038.229 người.

Bắc Ninh là tỉnh đồng bằng, diện tích nhỏ và có vị trí giáp với thủ đô Hà Nội nên trong công tác giải quyết các vụ án có nhiều thuận lợi hơn so với các tỉnh khác. Kinh tế xã hội của tỉnh Bắc Ninh khá phát triển, do vậy mặt bằng dân trí và hiểu biết pháp luật của người dân khá tốt. Tuy nhiên, do tỉnh Bắc Ninh có nhiều tuyến Quốc lộ quan trọng và là tỉnh tập trung nhiều khu công nghiệp lớn thu hút nhiều lao động trong và ngoài nước. Chính vì vậy tình hình tội phạm diễn ra khá phức tạp. Tình hình tội phạm năm 2016 chiều hướng tăng (tăng 51 vụ = 4,17% so với cùng kỳ), tập trung ở các tội phạm về ma túy (tăng 115 vụ so với cùng kỳ), còn các nhóm tội khác đều có xu hướng giảm. Tội phạm ma túy tăng mạnh tại các địa bàn như TP.Bắc Ninh, Quế Võ, Yên Phong. Đây là những địa bàn tập trung các khu công nghiệp lớn của tỉnh Bắc Ninh, thu hút nhiều lao động từ các tỉnh về làm việc. Tội phạm về trật tự xã hội có xu hướng giảm nhưng nhiều vụ có tính chất, mức độ nghiêm trọng,

một số vụ có tính chất đặc biệt nghiêm trọng. Tội phạm về sở hữu, kinh tế chủ yếu là các tội trộm cắp tài sản, đặc biệt những năm gần đây tội trộm cắp tài sản xảy ra nhiều ở các Công ty có vốn nước ngoài trên địa bàn các khu công nghiệp gây ảnh hưởng xấu đến môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh.

TAND, VKSND tỉnh Bắc Ninh và các cơ quan điều tra trên địa bàn tỉnh quán triệt sâu sắc các Văn kiện của Đảng, Nhà nước và sự chỉ đạo của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh; thực hiện các chỉ thị qua từng năm như Chỉ thị số 01/2015/CT-CA ngày 23/01/2015 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm công tác Tòa án 2015 và Chỉ thị số 01/CT - VKSTC ngày 25/12/2015 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về công tác của ngành kiểm sát nhân dân năm 2016. [39] [47].

Trong đó xác định mục tiêu: Quán triệt, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần Thứ XII và tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 và Nghị quyết 49-NQ/TW ngày -2/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách công tác tư pháp đến năm 2020; triển khai thi hành tốt Luật tổ chức VKSND năm 2014, Luật tổ chức TAND năm 2014 và các đạo luật mới về tư pháp; tiếp tục nâng cao chất lượng công tác tư pháp, chống oan, sai và chống bỏ lọt tội phạm; xây dựng Đảng, xây dựng Ngành vững mạnh toàn diện đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới [39] [47].

2.1.2. Tổng quan tình hình bảo đảm quyền con người của người buộc tội trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Trong những năm qua, việc thực hiện chế độ tạm giữ, tạm giam đã được tổ chức chặt chẽ, phục vụ hiệu quả cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, góp phần đấu tranh chống tội phạm, bảo vệ tốt quyền con người, quyền

công dân. Trên cơ sở quán triệt thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 48 và 49 của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp. Đặc biệt là thực hiện nghiêm túc nội dung Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23/11/2012 về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật về tội phạm trong công tác tạm giữ, tạm giam. Đảm bảo không được bắt người tùy tiện, bắt oan người không có tội, tạm giữ, tạm giam người không có lệnh hoặc quá hạn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Tập thể cán bộ, công chức thuộc các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng tỉnh Bắc Ninh đã cố gắng khắc phục mọi khó khăn, đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng giải quyết, xét xử các loại án, từng bước cải cách hành chính, cải cách tư pháp, góp phần xử lý tội phạm, hạn chế việc bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, hạn chế việc trả lại hồ sơ, các bản án bị hủy để điều tra, xét xử lại.

2.2. Những kết quả, vi phạm, sai lầm và nguyên nhân

2.2.1. Những kết quả đạt được

2.2.1.1. Đối với việc tạm giữ, tạm giam

Thực trạng thực hiện việc bảo vệ quyền con người trong việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được đánh giá qua số liệu thống kê việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam do VKSND tỉnh Bắc Ninh cung cấp từ năm 2012 đến năm 2016 cụ thể như sau:

Bảng 2.1: Bảng thống kê tình hình giải quyết người bị tạm giữ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Năm	Kiểm sát việc tạm giữ	Tình hình giải quyết			
	Tổng số người bị tạm giữ	Số đã giải quyết			
		Tổng	Tỷ lệ giải quyết	Số khởi tố chuyển tạm giam	Tỷ lệ giải quyết tạm giam
2012	1.457	1.453	99,7%	962	66,2%
2013	1.455	1.431	98,3%	942	65,8%
2014	1.494	1.480	99,0%	1058	71,4%
2015	1.375	1.350	98,2%	893	66,1%
2016	1.487	1.470	98,8%	988	67,2%

Nguồn: VKSND tỉnh Bắc Ninh [47]

Qua bảng thống kê trên cho thấy: trong 05 năm gần đây, số lượng người bị tạm giữ có giảm nhưng không đáng kể từ 2012 đến 2016 số lượng là 1457 đến 1487. Tỷ lệ giải quyết qua các năm đều đạt trên 98%, trong đó số người khởi tố chuyển tạm giam khá cao chiếm tỷ lệ trên 65%. Các quyền con người của người bị tạm giữ về cơ bản đã được quan tâm và đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Trong các biện pháp ngăn chặn, tạm giam là một trong những biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất. Biện pháp này tạm thời tước bỏ một số quyền tự do của người bị bắt trong một thời gian nhất định và kèm theo là hạn chế một số quyền cơ bản của người bị tạm giam nhằm ngăn chặn việc bị can tiếp tục phạm tội hoặc trốn tránh việc xử lý của cơ quan có thẩm quyền.

Chính vì vậy, mà đây chính là nơi mà quyền con người, quyền công dân dễ dàng bị xâm phạm nhất.

Bảng 2.2: Bảng thống kê tình hình giải quyết người bị tạm giam trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Năm	Kiểm sát việc tạm giam	Tình hình giải quyết			
	Tổng số người bị tạm giam	Số đã giải quyết		Số trả tự do (hủy bỏ, có QĐ đình chỉ, hưởng án treo và không phải hình phạt là hình phạt tù)	
		Tổng	Tỷ lệ	Tổng	Tỷ lệ
2012	989	487	49,2%	123	25,25%
2013	2.262	1.576	69,6%	65	4,12%
2014	1.997	1.461	73,1%	168	11,49%
2015	1.950	1.409	72,2%	98	6,95%
2016	1.765	1.268	71,8%	17	1,34%

Nguồn: VKSND tỉnh Bắc Ninh [47]

Theo số liệu thống kê về tình hình kiểm sát việc tạm giam, 05 năm gần đây số lượng người bị tạm giam tăng đáng kể từ 2012 đến 2013 (tăng 1273 người), tuy nhiên có xu hướng giảm dần qua các năm từ năm 2013 đến 2016. Tỷ lệ giải quyết về cơ bản là tăng dần từ 49,2% năm 2012 lên 71,8% năm 2016. Nguyên nhân của tỷ lệ giải quyết tăng là do thời gian qua tỉnh đã quán triệt thực hiện chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Lãnh đạo Công an tỉnh đã chỉ đạo các phòng tăng cường công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội. Số tỷ lệ được trả tự do trên tổng số đã giải quyết giảm dần qua các năm từ 25,25% xuống còn 1,34% chứng tỏ tỷ lệ bắt tạm giam oan, nhầm hoặc người bị buộc tội không phạm tội

đến mức độ phải tạm giam đã giảm dần. Đó chính là kết quả của việc đảm bảo quyền con người của người bị buộc tội ngày càng được tăng cường.

Về cơ bản, VKSND tỉnh đã thực hiện tốt chế độ kiểm sát định kỳ và đột xuất đối với nhà tạm giữ, trại tạm giam theo Quy chế của ngành; thực hiện nhiều biện pháp kiểm sát chặt chẽ góp phần quan trọng nâng cao chất lượng trong quản lý và thực hiện các chế độ giam, giữ; đảm bảo không để xảy ra các trường hợp quá hạn tạm giữ, tạm giam; các trường hợp trốn, chết hoặc phạm tội mới trong nhà tạm giữ, trại tạm giam.

Đến nay, không còn trường hợp bức cung, dùng nhục hình trong trại giam, nhà tạm giữ. Việc bảo đảm quyền con người của người bị tạm giam như quyền được biết mình bị khởi tố về tội gì, thời hạn tạm giam bao lâu, bị tạm giam theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của BLTTHS hay không... Chế độ ăn ở, y tế được thực hiện theo đúng luật định. Công tác tuần tra canh gác được coi trọng, nơi giam giữ được bảo vệ an toàn, nên cơ bản đã khắc phục được tình trạng bị can trốn khỏi nơi giam giữ, phạm tội mới.

Có thể thấy việc tạm giữ, tạm giam trong những năm qua đạt kết quả đáng quan tâm, góp phần đảm bảo quyền con người cho người bị tạm giữ, tạm giam, hạn chế được tình trạng bắt oan sai, bắt sau đó trả tự do vì không có tội, góp phần thực hiện đúng quy định của Hiến pháp và pháp luật trong công tác áp dụng các biện pháp ngăn chặn tạm giam đảm bảo quyền con người nói chung và quyền của người bị buộc tội nói riêng.

Về việc thực hiện chế độ chính sách đối với người bị tạm giữ, tạm giam. Người bị tạm giữ, tạm giam khác với chế độ đối với người đang chấp hành hình phạt tù. Nơi tạm giữ, tạm giam có các chế độ sinh hoạt, nhận quà, liên hệ với gia đình và các chế độ khác được thực hiện nghiêm túc theo quy định chi tiết của Chính phủ như: tiêu chuẩn ăn trong một tháng của một người được tính theo định lượng 17kg gạo thường, 0,7kg thịt và 0,8 kg cá...; một

tháng không quá 02 lần được nhận quà và đồ dùng sinh hoạt; trường hợp bị ốm đau được khám và điều trị tại bệnh xã của trại tạm giam hoặc cán bộ y tế của nhà tạm giữ. Chế độ ăn, cấp phát thuốc, bồi dưỡng do cán bộ y tế chỉ định theo bệnh lý. Về việc chăm nom người thân thích và bảo quản tài sản của người bị tạm giữ, tạm giam. BLTTHS 2015 có hiệu lực cùng lúc với một văn bản pháp luật mới là Luật thi hành tạm giữ, tạm giam do đó quy định về việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là con của người bị tạm giữ, tạm giam được tách ra riêng, thực hiện theo quy định của Luật thi hành tạm giữ, tạm giam. Điều này có lợi cho người bị tạm giữ, tạm giam vì bảo đảm quyền lợi của con người bị tạm giữ, tạm giam hơn so với quy định cũ.[29].

2.2.1.2. Về công tác giải quyết và xét xử vụ án hình sự của TAND hai cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố

Bảng 2.3: Thống kê công tác giải quyết các vụ án hình sự của TAND hai cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Năm (Từ tháng 10 năm trước đến hết tháng 9 năm sau)	Công tác giải quyết các vụ án hình sự					
	Số vụ thụ lý		Số vụ đã giải quyết		Tỷ lệ giải quyết	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2013	1.171	2.464	1.159	2.403	98,97%	97,52%
2014	1.310	3.011	1.303	2.968	99,46%	98,57%
2015	1.300	2.450	1.292	2.440	99,38%	99,59%
2016	1.052	2.094	1.049	2.085	99,71%	99,57%

Nguồn: TAND tỉnh Bắc Ninh [39]

Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Bắc Ninh hiện có 150 cán bộ, công chức; 22 cán bộ hợp đồng. Trong đó có 54 Thẩm phán, 60 Thư ký, 16 Thẩm tra viên

và các chức danh khác. Trình độ, kiến thức và năng lực công tác của cán bộ, công chức ngày càng được nâng cao. Đội ngũ cán bộ, công chức Tòa án hai cấp tỉnh Bắc Ninh đa số được đào tạo cơ bản (01 Tiến sĩ luật, 32 Thạc sĩ luật, 109 Cử nhân luật, Cử nhân kinh tế và các chuyên ngành khác), năng động sáng tạo, hăng hái thực hiện nhiệm vụ chuyên môn cũng như mọi chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước. Về thực tiễn đảm bảo thực hiện quyền con người của người bị buộc tội là bị cáo đã được quan tâm trong hoạt động xét xử của TAND các cấp. Bị cáo là những người đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử, do đó quyền của bị cáo được thực hiện thông qua chủ yếu ở các hoạt động của Tòa án, trung tâm là việc xét xử. Qua số liệu thống kê của bảng trên cho thấy, số vụ án hình sự thụ lý và số bị cáo có xu hướng tăng trong những năm gần đây, tỷ lệ giải quyết qua các năm luôn ở mức cao là trên 97% [39].

Việc giải quyết kịp thời dứt điểm các vụ án là điều rất đáng ghi nhận bởi sẽ góp phần nhanh chóng giải quyết được sinh mệnh chính trị của bị cáo, nếu việc giải quyết chậm trễ, kéo dài sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc người bị buộc tội sẽ phải gánh chịu các biện pháp ngăn chặn tác động tiêu cực trực tiếp đến các quyền con người, quyền cơ bản của họ. Trong quá trình giải quyết vụ án, TAND hai cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh cũng đã thực hiện có chất lượng đối với hầu hết các vụ việc, đảm bảo đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ được đề ra, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Trong giai đoạn xét xử, TAND hai cấp tỉnh Bắc Ninh đã đảm bảo quyền bào chữa cho người bị buộc tội, thủ tục được thực hiện nhanh chóng, không còn tình trạng gây khó dễ cho các luật sư trong quá trình nghiên cứu hồ sơ, tiếp xúc với bị cáo.

Những năm qua, trong hoạt động xét xử đã đảm bảo thực hiện tốt các quy định của pháp luật TTHS. Về thủ tục hành chính, người bị buộc tội đã

được tạo điều kiện để trình bày lời khai, ý kiến nhằm làm rõ các tình tiết liên quan đến vụ án, được thông báo giải thích của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Hiện tượng mớm cung, dụ cung dường như không có, Hội đồng xét xử tạo điều kiện thuận lợi để người bào chữa cho các bị cáo tham gia việc hỏi những người tham gia tố tụng để làm rõ các vấn đề liên quan đến chứng cứ buộc tội, kết quả giám định để bảo vệ quyền của bị cáo. Những hoạt động mang tính thủ tục tố tụng thể hiện rõ chủ trương cải các tư pháp theo tinh thần Nghị quyết 08-NQ/TW đó cũng là biểu hiện cụ thể của việc đảm bảo quyền con người của người bị buộc tội trong xét xử vụ án hình sự.

Bên cạnh đó, TAND hai cấp tỉnh Bắc Ninh cũng đã thực hiện tốt những đổi mới trong việc tạo điều kiện cho việc tranh luận tại phiên tòa được đảm bảo thực hiện tốt hơn. Ngoài đảm bảo cho bị cáo, người bào chữa có quyền tranh luận tại phiên tòa được thực hiện dân chủ hơn so với trước đây, thể hiện rõ trong việc triển khai bố trí chỗ ngồi của luật sư và đại diện Viện kiểm sát ở vị trí ngang nhau thay vì luật sư ngồi bên dưới như trước. Đây là điểm nhấn tạo hình ảnh dân chủ được thực hiện triển khai ở Tòa án hai cấp tỉnh Bắc Ninh, bước đầu đảm bảo dân chủ hóa trong hoạt động xét xử góp phần đảm bảo vai trò, vị trí của luật sư trong việc bảo vệ quyền của người bị buộc tội với tư cách là bên gỡ tội.

Có thể nói, việc bảo đảm các quyền con người của người bị buộc tội trong xét xử vụ án hình sự được thể hiện rõ nhất trong thực tiễn quá trình tranh luận tại phiên tòa. Việc tăng cường tranh tụng dân chủ tại phiên tòa mà BLTTHS đã ghi nhận đã được thực hiện tương đối đầy đủ trong thực tiễn xét xử của các TAND trên địa bàn tỉnh theo đúng tinh thần đổi mới và cải cách tư pháp. Chủ tọa phiên tòa đã dần chú trọng hơn tới việc yêu cầu Kiểm sát viên thể hiện quan điểm của Viện kiểm sát qua việc xét hỏi công khai tại phiên tòa,

đôi đáp có lập luận với tất cả các ý kiến của người bào chữa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

2.2.1.3. Kết quả bảo đảm thực hiện quyền con người của người bị buộc tội trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

a) Yếu tố cơ sở pháp lý và triển khai hướng dẫn pháp luật về thực hiện quyền con người của người bị buộc tội

Mục tiêu quan trọng nhất của Hiến pháp 2013 là tiếp tục phát huy dân chủ, bảo đảm quyền công dân, bảo đảm thực hiện tốt hơn quyền con người, quyền công dân, đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ trong tư duy lý luận của Đảng và Nhà nước ta trong một loạt vấn đề của Đảng và sự nghiệp đổi mới đất nước trong đó có vấn đề quyền con người, quyền công dân. Hiến pháp năm 2013 xác định Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp, sứ mệnh của Tòa án nhân dân được xác định là bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Đây là những điểm mới có ý nghĩa quan trọng trong lịch sử lập hiến Việt Nam, khẳng định những nguyên tắc của một nền tư pháp hiện đại vì con người, cụ thể là nguyên tắc hai cấp xét xử mà thực chất là một bảo đảm để thúc đẩy quyền của người bị buộc tội được yêu cầu xem xét lại bản án; nguyên tắc về quyền bào chữa của bị can, bị cáo, quyền bảo vệ lợi ích hợp pháp của đương sự; nguyên tắc về sự tham gia xét xử của Hội thẩm nhân dân. Những nguyên tắc trên đây phản ánh tính dân chủ và đề cao quyền tiếp cận công lý của người dân, bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong hoạt động tư pháp.

Toàn Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh triển khai, thực hiện các Nghị quyết Hội nghị của Ban chấp hành Trung ương Đảng, tiếp tục việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần của các Nghị quyết. Thực hiện theo chủ trương cải cách công tác tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 08/NQ-TW

ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Quán triệt sâu sắc và thực hiện các Chỉ thị, Văn kiện của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, các văn bản hướng dẫn của TAND tối cao, VKSND tối cao, đặc biệt là Nghị quyết số 49/NQ-TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách công tác tư pháp; phối hợp thực hiện tốt và có hiệu quả Nghị quyết số 111/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của VKSND, TAND và công tác thi hành án năm 2016; chú trọng tăng cường hoạt động tranh tụng công khai tại phiên tòa giữa kiểm sát viên với luật sư, người bào chữa... đảm bảo tính dân chủ, khách quan trong các quyết định của Tòa án. Chỉ đạo tăng cường công tác xét xử lưu động các vụ án nhằm tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức pháp luật cho nhân dân, đồng thời trừng trị, răn đe và phòng ngừa tội phạm. Bên cạnh đó, TAND tỉnh Bắc Ninh đã chỉ đạo TAND cấp huyện, thị xã, thành phố phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Công an, VKSND đưa ra xét xử nhanh chóng, kịp thời, nghiêm minh một số vụ án điển hình với một số loại tội phạm phổ biến để phục vụ nhiệm vụ ổn định tình hình an ninh, chính trị của địa phương. [39] [47].

Các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Bắc Ninh đã triển khai mua đầy đủ các bộ luật, luật đề trang bị cho 100% cán bộ, công chức làm nghiệp vụ chủ động nghiên cứu; kịp thời triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định của các Nghị quyết của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn của VKSND tối cao, TAND tối cao. Tổ chức triển khai, quán triệt thực hiện các Luật, Bộ luật, Pháp lệnh được Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua có liên quan tới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, BLHS sửa đổi, BLTTHS sửa đổi và các văn bản hướng dẫn thi hành đến toàn thể cán bộ, công chức, người lao động. [39] [47].

b) Yếu tố về mặt tổ chức, cơ chế thực thi quyền con người của người bị buộc tội

Về công tác tổ chức cán bộ, năm 2016, VKSND tỉnh Bắc Ninh được Viện kiểm sát nhân dân tối cao giao 158 (cấp tỉnh 58, cấp huyện 100) chỉ tiêu biên chế và đã thực hiện được 155/158 chỉ tiêu (cấp tỉnh 56/58, cấp huyện 99/100), trong đó 01 kiểm sát viên cao cấp; 35 Kiểm sát viên trung cấp (tỉnh 28, huyện 7) và 58 Kiểm sát viên sơ cấp (huyện 47, tỉnh 11); 26 Kiểm tra viên (tỉnh 02, huyện 24); 35 chuyên viên và cán sự; Hợp đồng theo Nghị định 68/CP là 28 người (cấp tỉnh 11, cấp huyện 17). [47].

Ngành TA của tỉnh Bắc Ninh hiện có 8 TAND cấp huyện, TAND tỉnh có 04 Tòa chuyên trách, trong đó có 54 Thẩm phán, 60 Thư ký, 16 Thẩm tra viên và các chức danh khác. Trình độ, kiến thức và năng lực công tác của cán bộ, công chức ngày càng được nâng cao, thực hiện đúng quy trình bổ nhiệm các chức vụ lãnh đạo quản lý và chức danh chuyên môn. [39].

Để đáp ứng yêu cầu về công tác cán bộ theo tinh thần Nghị quyết số 49/NQ-TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách công tác tư pháp đến năm 2020, những năm qua, các cơ quan tiến hành tố tụng trong tỉnh đã tập trung giải quyết tốt công tác kiện toàn tổ chức cán bộ, bồi dưỡng nâng cao năng lực công tác; thực hiện công tác điều động, luân chuyển, sắp xếp bổ nhiệm, tái bổ nhiệm và tuyển dụng mới cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức được đảm bảo theo đúng quy định của Nhà nước, của các Ngành. Phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với cán bộ, công chức, viên chức; quản lý chặt chẽ hồ sơ và sổ bảo hiểm xã hội của cán bộ công chức trên hệ thống phần mềm theo đúng quy chế của Ngành.

TAND, VKSND hai cấp tiếp tục thực hiện có hiệu quả cuộc vận động xây dựng đội ngũ cán bộ "*Vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về*

pháp luật, công tâm và bản lĩnh, kỷ cương và trách nhiệm" gắn với việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; thực hiện có nề nếp quy chế dân chủ trong cơ quan; tăng cường công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, bản lĩnh nghề nghiệp [39] [47].

Về cơ sở vật chất, hiện nay về cơ sở vật chất, về cơ bản trang thiết bị đầy đủ và phục vụ tốt công tác chuyên môn của cán bộ, công chức, đáp ứng được nhiệm vụ được đề ra. Đồng thời, các cơ quan tiến hành tổ tụng thường xuyên tranh thủ sự ủng hộ của cấp ủy, chính quyền địa phương để tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

c) Yếu tố về mặt nhận thức, năng lực thực hiện của chủ thể thực hiện quyền con người của người bị buộc tội

Trong những năm qua, cán bộ, công chức các cơ quan tiến hành tố tụng đã có nhiều cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; đã và đang tích cực thực hiện công tác cải cách tư pháp, nâng cao năng lực chuyên môn; áp dụng đúng quy định pháp luật về tố tụng hình sự góp phần bắt người, điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Không ngừng bồi dưỡng nghiệp vụ, hàng năm, các cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn tỉnh đề triển khai các buổi hội thảo, Hội nghị tập huấn theo Kế hoạch; tham gia các buổi Hội thảo, Hội nghị tập huấn do Trung ương tổ chức. Đổi mới và nâng cao chất lượng hiệu quả công tác giải quyết các vụ án hình sự phát huy dân chủ, công khai; cải cách thủ tục hành chính tư pháp và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan tiến hành tố tụng.

Cán bộ, công chức, người lao động tại các đơn vị không ngừng rèn luyện tư cách, đạo đức, lối sống của người tiến hành tố tụng. Tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp để xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của ngành, của cơ quan, đơn vị và nhiệm

vụ chính trị của địa phương, góp phần xây dựng cơ quan, tổ chức Đảng và các đoàn thể quần chúng trong sạch vững mạnh; góp phần tích cực đảm bảo an ninh chính trị, trật tự trị an xã hội tại địa phương và đáp ứng tốt yêu cầu cải cách tư pháp.

Công tác xây dựng pháp luật và thông tin tuyên truyền cũng được chú trọng thường xuyên, triệu tập cán bộ chủ chốt đơn vị tham gia Hội nghị trực tuyến triển khai thi hành Luật tổ chức TAND; Luật tổ chức VKSND...; đóng góp vào dự thảo sửa đổi các Bộ luật hình sự, Tố tụng hình sự... xây dựng báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của các vụ nghiệp vụ Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát tối cao, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh Bắc Ninh... tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về hoạt động, về chức năng và nhiệm vụ của các cơ quan TAND, VKSND, CQĐT; tuyên truyền giáo dục pháp luật; đấu tranh phòng, chống tội phạm, chống tham nhũng, lãng phí,... đặc biệt là vai trò của các cơ quan tiến hành tố tụng trong tiến trình cải cách tư pháp trong giai đoạn từ nay đến năm 2020 theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW trên các phương tiện thông tin đại chúng như: báo, tạp chí, Website của ngành; báo, Đài phát thanh truyền hình Bắc Ninh; trang Website của các cơ quan tiến hành tố tụng trong tỉnh Bắc Ninh [39] [47].

2.2.2. Những khó khăn, vướng mắc, vi phạm và sai lầm

Theo quy định của pháp luật hiện hành, không phải cứ bắt trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang, người phạm tội tự thú, đầu thú hoặc đối với người bị bắt theo quyết định truy nã đều tạm giữ. Tuy nhiên trong quá trình tiến hành tố tụng, cơ quan có thẩm quyền vẫn lạm dụng việc tạm giữ trong một số trường hợp sau: Người phạm tội thực hiện tội phạm bị bắt khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang nhưng họ không có dấu hiệu bỏ trốn, không có dấu hiệu cản trở hoạt động điều tra, có nơi cư trú rõ ràng, tình tiết phạm tội đơn giản, hành vi phạm tội ít nghiêm trọng, căn cứ xác định tội phạm đã đầy đủ.

Thực tiễn áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ góc độ bảo vệ quyền con người của người bị buộc tội còn một số hạn chế, bất cập sau:

Vẫn còn tình trạng lạm dụng biện pháp tạm giam. Tỷ lệ người bị buộc tội bị tạm giam chiếm tỷ lệ khá cao. Nhiều trường hợp, căn cứ tạm giam chưa thể hiện cụ thể. Nhìn chung trong quá trình điều tra vụ án, khi đề nghị VKS phê chuẩn quyết định tạm giam, đa số các trường hợp trong công văn yêu cầu điều ghi căn cứ chung chung như “để đảm bảo cho công tác điều tra, xử lý”, “thấy rằng cần thiết phải tạm giam bị can, không để bị can trốn”, “không để bị can tiếp tục phạm tội”... mà ít đưa ra những căn cứ cụ thể.

Việc quá lạm dụng biện pháp tạm giam nhiều khi gây nên sức ép tâm lý không đáng có đối với việc xét xử của Tòa án, nhất là khi có Nghị quyết số 388 của Ủy ban thường vụ quốc hội về việc bồi thường thiệt hại cho những người bị oan do người có thẩm quyền tiến hành tố tụng gây ra trong hoạt động TTHS. Tình trạng tạm giam là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc Tòa án ngại tuyên không có tội, mà thường trả hồ sơ để điều tra bổ sung để CQĐT hoặc VKS bằng cách này hay cách khác đình chỉ điều tra. Tạm giam nhiều cũng có thể là nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ người bị kết án phạt tù giam trên địa bàn khá cao. Tòa án rất hạn chế cho bị cáo bị tạm giam hưởng án treo hoặc áp dụng các hình phạt khác không phải tù như cải tạo không giam giữ, phạt tiền, cảnh cáo... mặc dù có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Trong những trường hợp này, theo hướng dẫn của TANDTC thì Tòa án xử phạt tù với thời hạn bằng thời hạn bị cáo đã bị tạm giam. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến lợi ích của người bị kết án, bởi vì hậu quả pháp lý của người bị phạt tù giam và phạt tù cho hưởng án treo là khác nhau [29, tr. 48-49].

Vẫn còn những trường hợp truy cứu trách nhiệm hình sự người không có tội hoặc chưa đến mức chịu trách nhiệm hình sự. Khoản 1 điều 126 BLTTHS 2003 quy định khi có đủ căn cứ để xác định một người đã thực hiện

hành vi phạm tội thì mới ra quyết định khởi tố bị can; Điều 2 BLHS quy định chỉ một người thực hiện hành vi phạm tội được BLHS quy định là tội phạm thì mới phải chịu trách nhiệm hình sự. [34]. Vì vậy, một người bị khởi tố bị can, bị kết tội bằng một bản án không có căn cứ, phải chịu biện pháp trách nhiệm hình sự nghiêm khắc hơn quy định hoặc trái với quy định của pháp luật là đã có sự vi phạm quyền con người. Điểm hạn chế này đã được khắc phục ở BLTTHS 2015, tại Điều 154 quy định quyết định khởi tố vụ án hình sự phải ghi rõ căn cứ khởi tố, điều, khoản của Bộ luật hình sự được áp dụng và các nội dung quy định của BLTTHS; và đã thống nhất được với Điều 157 quy định về căn cứ không khởi tố vụ án hình sự [5].

Bảng 2.4: Thống kê tình hình trả hồ sơ điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Năm	Tổng số vụ		Tình hình trả hồ sơ điều tra bổ sung			
			TA trả VKS		VKS trả CQĐT	
	Vụ	Tỷ lệ	Vụ	Tỷ lệ	Vụ	Tỷ lệ
2013	23	2,02%	19	1,64%	04	0,38%
2014	20	1,66%	18	1,47%	02	0,19%
2015	73	2,62%	23	2,24%	04	0,38%
2016	30	2,79%	23	2,15%	07	0,64%

Nguồn: VKSND tỉnh Bắc Ninh [47]

Chất lượng công tác kiểm sát ở một số vụ án còn thiếu sót về chứng cứ, dẫn đến một số vụ án phải trả hồ sơ điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Hàng năm, số vụ án được Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung vẫn lớn và chưa có chiều hướng giảm. Tỷ lệ trả hồ sơ điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng tuy không cao nhưng có chiều hướng tăng dần trong 05 năm gần đây. Một bộ số cán bộ, Kiểm sát viên chưa cố gắng rèn luyện phấn đấu,

tinh thần trách nhiệm chưa cao, ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công tác của đơn vị.

Tình trạng vi phạm trong bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo; nhất là quyền được nhờ người khác bào chữa. Vi phạm quyền bào chữa của bị can, bị cáo là vi phạm thủ tục tố tụng nghiêm trọng. Vi phạm này thể hiện cụ thể ở nhiều dạng khác nhau như:

- Vẫn còn một số vụ án cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không yêu cầu cử người bào chữa cho bị can người chưa thành niên, cho bị can bị khởi tố, truy tố về tội có khung hình phạt tử hình. Mặc dù vậy, Tòa án lại không coi đó là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng để trả hồ sơ điều tra bổ sung.

- Việc xét xử vắng mặt người bào chữa cũng đang gặp những vướng mắc trong cách hiểu quy định của điều luật. Điều 190 BLTTHS 2003 quy định trong những trường hợp thông thường, “nếu người bào chữa vắng mặt Tòa vẫn mở phiên tòa xét xử”. Theo đó, có hai cách hiểu khác nhau trong thực tiễn. Thứ nhất cho rằng trong trường hợp này TA bắt buộc phải mở phiên tòa mà không được hoãn dù bất kỳ lý do gì. Thứ hai thì cho rằng Tòa án có quyền mở phiên tòa, nhưng cũng không loại trừ khả năng Tòa án quyết định hoãn phiên tòa nếu thấy rằng người bào chữa vắng mặt có lý do chính đáng, bất khả kháng và việc người bào chữa vắng mặt sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc bào chữa cho bị cáo. Điểm hạn chế này đã được BLTTHS 2015 khắc phục sửa đổi quy định về sự có mặt của người bào chữa tại khoản 1 Điều 291 như sau: *“Người bào chữa phải có mặt tại phiên tòa để bào chữa cho người mà mình đã nhận bào chữa. Người bào chữa có thể gửi trước bản bào chữa cho Tòa án. Trường hợp người bào chữa vắng mặt lần thứ nhất vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan thì Tòa án phải hoãn phiên tòa, trừ trường hợp bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa. Nếu người bào chữa vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách*

quan hoặc được triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt thì Tòa án vẫn mở phiên tòa xét xử” [5].

Trong tranh luận vẫn còn tồn tại một số trường hợp chủ tọa phiên tòa chưa bảo đảm tăng cường tranh tụng dân chủ tại phiên tòa như hạn chế thời gian trình bày ý kiến của người tham gia tố tụng, nhất là người bào chữa; chưa hướng dẫn, động viên để bị cáo thực hiện việc tranh luận để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; chưa yêu cầu Kiểm sát viên tranh luận đối đáp với tất cả ý kiến của người tham gia tố tụng...

2.2.3. Nguyên nhân dẫn đến những vi phạm và sai lầm trong quá trình thực hiện đảm bảo quyền con người của người bị buộc tội

Những bất cập, hạn chế trong hoạt động thực tiễn đảm bảo quyền con người của người bị buộc tội trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh là do những nguyên nhân khác nhau. Cụ thể như sau:

- Thứ nhất, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật còn thiếu, chồng chéo, chưa thống nhất, nhiều quy định còn chung chung chưa rõ ràng dẫn đến cách hiểu khác nhau, chưa thống nhất, tùy nghi trong việc áp dụng.

+ Căn cứ áp dụng biện pháp cưỡng chế tố tụng, nhất là biện pháp ngăn chặn bắt tạm giữ, tạm giam không đầy đủ hoặc không rõ ràng. Các căn cứ áp dụng biện pháp cưỡng chế tố tụng không đầy đủ và rõ ràng, BLTTHS chưa quy định nội dung căn cứ của việc áp dụng các biện pháp bảo lãnh, cấm đi khỏi nơi cư trú, đặt tiền hoặc tài sản để đảm bảo quy định này mới được làm rõ tại Thông tư liên tịch số 17/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-VKSNDTC-TANDTC).

Căn cứ áp dụng tạm giam lại rất tùy nghi, thiếu chặt chẽ. Mặc dù Điều 109 BLTTHS 2015 về các biện pháp ngăn chặn quy định “Để kịp thời ngăn chặn tội phạm hoặc khi có căn cứ chứng tỏ người bị buộc tội sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc sẽ tiếp tục phạm tội hoặc để bảo đảm thi hành án, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong phạm vi thẩm

quyền của mình có thể áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh”. [5]. Biện pháp ngăn chặn chỉ được áp dụng khi có căn cứ chứng tỏ bị can sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc sẽ tiếp tục phạm tội, đảm bảo thi hành án là căn cứ thuộc yếu tố cảm tính, chủ quan được sử dụng. CQĐT thường mặc nhiên hiểu rằng với trường hợp này thì chỉ cần bị can bị buộc tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng là tiến hành bắt tạm giam vì khoản 1 điều 119 BLTTHS 2015 quy định tạm giam có thể được áp dụng đối với bị can, bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; phạm tội rất nghiêm trọng mà không cần thêm căn cứ nào khác. Quy định này không phù hợp với nội dung điều 109 BLTTHS 2015 đã nêu trên. Dẫn đến việc tùy nghi áp dụng được mở rộng tối đa cho người có thẩm quyền tiến hành tố tụng khi áp dụng các biện pháp ngăn chặn được áp dụng mà không nêu rõ căn cứ gì, cần phải chứng minh căn cứ đó hay không, Điều này dễ dẫn đến hạn chế quyền của người bị buộc tội bởi trên thực tiễn các căn cứ đó hoàn toàn được xác định theo đánh giá chủ quan của người có thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn, do đó họ có thể cứ áp dụng để thuận lợi cho cơ quan tiến hành tố tụng nhưng lại hạn chế quyền của người bị buộc tội.

+ Chế độ trách nhiệm chưa được quy định rõ ràng, minh bạch, được truy cứu chưa thật sự được nghiêm minh đối với các vi phạm quyền con người của người bị buộc tội từ phía người tiến hành tố tụng. Chế tài tố tụng đối với các vi phạm chưa rõ ràng, thiếu cụ thể. Cho đến nay chúng ta có Nghị quyết 388/NQ-UBTVQH 11 ngày 17/3/2003 về bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động TTHS gây ra. Luật bồi thường của nhà nước được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ V Quốc hội khóa 12 cũng chưa bao hàm hết các trường hợp oan, sai trong TTHS. Mặc dù BLTTHS 2015 có các nguyên tắc quan trọng quy định người làm trái pháp luật trong việc bắt giữ, giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án thì

tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 17); Quy định quyền được bồi thường thiệt hại do cơ quan hoặc người có thẩm quyền tiến hành tố tụng gây ra (Điều 31). Nhưng trên thực tế các quy định này ít được áp dụng, việc truy cứu trách nhiệm hình sự ít được đặt ra, nếu đó không phải là hành vi cố ý; Chế độ kỷ luật mới được thực hiện ở mức độ hạn chế, chủ yếu là không bổ nhiệm lại chức danh tố tụng nếu có sai sót nghiêm trọng; Việc bồi thường thiệt hại do sai hâu như chưa được thực hiện [29, tr. 52].

+ Không ít các quy định của BLTTHS hiện nay quy định không rõ ràng dẫn đến người áp dụng pháp luật lúng túng và chưa đầy đủ, chính xác. Chẳng hạn như quy định tại điểm o khoản 1 Điều 4 BLTTHS 2015 có giải thích vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là việc cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các trình tự, thủ tục do bộ luật này quy định và đã xâm hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng hoặc làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan, toàn diện của vụ án. Vậy thế nào là xâm hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng thì lại không được giải thích trong khi việc giải thích này là rất cần thiết. Hay Điều 245 BLTTHS năm 2015 quy định trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố; Điều 280 BLTTHS năm 2015 quy định trả hồ sơ điều tra bổ sung giai đoạn xét xử. Mà theo đó, điểm d khoản 1 của hai điều luật này đều ghi nhận trường hợp vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng [42].

+ BLTTHS quy định các quyền của người bị buộc tội nhưng không có quy định cụ thể để người bị buộc tội thực hiện quyền đó như thế nào cũng hạn chế quyền của họ. Chẳng hạn như quy định quyền cung cấp tài liệu, đồ vật, yêu cầu nhưng trình tự thủ tục như thế nào, trong hoàn cảnh bị giam giữ thì làm cách nào để thu thập tài liệu, đồ vật, cách cung cấp ra sao, thể hiện và

cung cấp yêu cầu như thế nào luật không quy định rõ, quyền bào chữa và tự bào chữa cũng được quy định nhưng pháp luật lại không có các quy định kèm theo là khi đứng trước Tòa tranh luận thì người bị buộc tội được làm những gì, có tạo điều kiện để người bị buộc tội ghi chép, trình bày văn bản tranh luận hay chỉ nói qua trí nhớ. Quyền được nhờ người khác bào chữa quy định nhưng lại được đảm bảo quyền này được thực thi hiệu quả bởi các quy định như bắt buộc phải cso thủ tục cấp giấy chứng nhận bào chữa gây phiền hà không cần thiết.

- Thứ hai, do trình độ, năng lực và quan điểm, nhận thức của người tiến hành tố tụng còn có nhiều hạn chế dẫn đến cách hiểu không đúng về các quy định của pháp luật dẫn đến vi phạm quyền con người của người bị buộc tội. Chẳng hạn như, theo luật định, một người được coi là không có tội nếu chưa có bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án là nguyên tắc quan trọng của tố tụng hình sự. Còn bị can, bị cáo mới chỉ là người bị nghi là phạm tội và đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, không ít các trường hợp người tiến hành tố tụng coi họ là người phạm tội phải xứng đáng bị trừng phạt nghiêm khắc mà quên đi khía cạnh con người với các quyền và lợi ích được pháp luật tôn trọng và bảo vệ đã ảnh hưởng không ít đến việc tôn trọng và bảo đảm quyền con người trong xét xử vụ án hình sự nói chung, quyền người bị buộc tội nói riêng.

- Thứ ba, khối lượng công việc tăng liên tục trong từng năm, tình hình vi phạm, tội phạm diễn biến ngày càng phức tạp, trong khi đó số lượng biên chế không tăng phần nào ảnh hưởng đến chất lượng công tác của các cơ quan tiến hành tố tụng. Nhiều vụ án hình sự thể hiện tính chất ngày càng nghiêm trọng và phức tạp hơn với số lượng đông người bị buộc tội tham gia, nhiều vụ án hành vi của bị cáo diễn ra trên địa bàn rộng, ở nhiều địa phương khác nhau; bị cáo chối tội quyết liệt dẫn đến kho khăn trong đánh giá chứng cứ và quyết định hình phạt.

Kết luận chương 2

Trong toàn bộ quá trình hình thành và phát triển của Nhà nước ta nói chung và tỉnh Bắc Ninh nói riêng, luôn quan tâm đến việc bảo đảm quyền con người nói chung, đặc biệt là quyền con người của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự nói riêng. Các quyền cơ bản và các nguyên tắc tố tụng cơ bản được cụ thể hóa trong các văn bản pháp luật tố tụng hình sự ở các cấp độ khác nhau đã được triển khai phù hợp với tình hình kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh trong từng thời kỳ nhất định. Tuy nhiên, nhìn từ góc độ bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội, hoạt động tố tụng hình sự trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh trong những năm qua còn tồn tại những hạn chế, bất cập: tình trạng bắt, tạm giữ, tạm giam trái pháp luật, truy cứu trách nhiệm hình sự oan, sai vẫn xảy ra; các quy định của BLTTHS còn bị vi phạm nghiêm trọng... mà nguyên nhân của những hạn chế đó là do: 1/ Các bất cập của BLTTHS; 2/ Ý thức, trình độ, năng lực của người tiến hành tố tụng; 3/ Chế độ trách nhiệm đối với người tiến hành tố tụng chưa rõ ràng. Từ đó, việc thống kê, nghiên cứu và phân tích thực trạng áp dụng pháp luật từ thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh nhằm tìm ra những bất cập, nguyên nhân của chúng, là cơ sở khoa học, thực tiễn quan trọng góp phần cho việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự ở nước ta.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI

3.1. Hoàn thiện pháp luật Tố tụng hình sự

Chúng ta đang xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân. Một nhà nước mà ở đó, quyền con người được tôn trọng và bảo vệ không chỉ dừng lại ở các tuyên bố chính trị, ghi nhận trong Hiến pháp, pháp luật mà còn được bảo vệ trong thực tế. Quyền con người là một giá trị thiêng liêng bất khả xâm phạm và được pháp luật ghi nhận, bảo vệ. Đặc biệt, quyền của những người yếu thế trong xã hội luôn được quan tâm hàng đầu và có cơ chế riêng để đảm bảo quyền được thực thi trên thực tế. Nhằm hạn chế những sai sót trong hoạt động tố tụng hình sự, nơi mà quyền con người dễ bị xâm phạm nhất và hậu quả để lại cũng rất nghiêm trọng do nó động chạm đến quyền được sống, quyền tự do và sinh mệnh chính trị của một cá nhân, do vậy cần đặt ra những nguyên tắc nhằm ngăn chặn hành vi bức cung, nhục hình.

Nhằm khắc phục hạn chế những sai sót trong hoạt động tố tụng hình sự, nơi mà quyền con người dễ bị xâm phạm nhất và hậu quả để lại cũng rất nghiêm trọng do nó tác động đến quyền được sống, quyền tự do và sinh mệnh chính trị của một cá nhân, do vậy cần hoàn thiện những nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự nhằm ngăn chặn hành vi xâm phạm đến QCN như sau:

3.1.1. Hoàn thiện nguyên tắc bất khả xâm phạm về thân thể

Quyền bất khả xâm phạm về thân thể là một trong quyền quan trọng nhất cần phải được bảo vệ, đặc biệt trong tố tụng hình sự, nơi mà thân thể của người bị buộc tội dễ dàng bị xâm phạm. Việc tước đoạt quyền con người, quyền công dân chỉ được áp dụng khi có các điều kiện, căn cứ theo quy định pháp luật và phải chịu sự giám sát chặt chẽ của TA hoặc VKS. Điều này

không có nghĩa là quyết định của TA và VKS là tuyệt đối, mà người có hành vi phạm tội vẫn có quyền phản kháng: “*Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố điều tra, truy tố, xét xử thi hành án trái pháp luật có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự. Người vi phạm pháp luật trong việc bắt giam, khởi tố điều tra, truy tố, xét xử thi hành án gây thiệt hại cho người khác phải bị xử lý theo pháp luật*” (khoản 5, Điều 31 Hiến pháp 2013) [33].

Quy định này thể hiện sự công bằng giữa một bên mang quyền lực nhà nước và một bên là nhóm thiểu số yếu thế hơn và bị áp đặt. Nguyên tắc này đảm bảo cho quyền con người được thực thi ngay cả trong trường hợp họ bị áp đặt.

3.1.2. Bổ sung nguyên tắc được Tòa án xét xử

Việc phán xét một người có tội hay vô tội chỉ có thể được thực hiện bởi cơ quan thực thi quyền tư pháp của quốc gia, theo Hiến pháp 2013 đó là Tòa án nhân dân: “*Người bị buộc tội phải được Tòa án xét xử*”. Với nguyên tắc này, người bị cho là có hành vi phạm tội được yêu cầu Tòa án xét xử để họ nhận được phán xét công bằng là có tội hay không có tội, ngay cả khi họ đã chết. Nguyên tắc này góp phần bảo vệ quyền của con người, bảo vệ nhân phẩm và danh dự của người bị buộc tội trong trường hợp có sự vi phạm của cơ quan tiến hành tố tụng. Thực tế, có rất nhiều trường hợp bị can, bị cáo trước khi được đưa ra xét xử công khai tại Tòa thì chết nhưng người thân, gia đình không thể minh oan cho họ ngay cả khi biết chắc chắn là họ không phạm tội. Quy định này là phù hợp với thực tiễn xã hội, tháo gỡ những vướng mắc trong tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành, đồng thời phù hợp với xu hướng phát triển.

3.1.3. Hoàn thiện nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội

Xã hội càng phát triển thì nhận thức và hiểu biết pháp lý của người dân cũng dần được nâng cao. Tuy nhiên, ngay cả với những người có hiểu biết về pháp lý, đã chuẩn bị sẵn nội dung tranh tụng tại phiên tòa, nhưng nếu không có các kỹ năng, kinh nghiệm về tranh tụng tại phiên tòa thì cũng khó có thể chứng minh sự vô tội của mình. Hiến pháp 2013 thừa nhận nguyên tắc: “*Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa*” (khoản 4, Điều 31) [33]. Nguyên tắc này rất phù hợp với Nghị quyết 49 của Bộ Chính trị (2005) về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, đó là “nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp” [48]. Khi có người bào chữa tham gia trong các giai đoạn tố tụng sẽ bảo vệ kịp thời các quyền và nghĩa vụ của người bị buộc tội; đồng thời ngăn chặn các hành vi vi phạm tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Điều này góp phần xây dựng một nền tư pháp trong sạch và nâng cao chất lượng giải quyết án hình sự và điều quan trọng hơn cả là bảo vệ tối đa quyền lợi của nhóm người bị hạn chế một số quyền công dân trong xã hội.

Đây là nguyên tắc tố tụng hình sự rất quan trọng, cần phải thể hiện được hai nội dung nhằm bảo đảm quyền con người trong tố tụng, nhất là quyền con người của bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng có quyền, lợi ích liên quan khác. Đó là: 1/ Quyền bào chữa của bị can, bị cáo; quyền được bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. 2/ Trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng bảo đảm cho bị can, bị cáo thực hiện quyền bào chữa; bảo đảm cho người tham gia tố tụng khác thực

hiện quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Vấn đề này đã được BLTTHS 2015 quy định khá đầy đủ.

Chính vì vậy điều 16 BLTTHS 2015 đã quy định về bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự như sau: Người bị buộc tội có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa; Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo, giải thích và bảo đảm cho người bị buộc tội, bị hại, đương sự thực hiện đầy đủ quyền bào chữa, quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định của Bộ luật này.[5]. Tuy nhiên cần quy định thêm rằng Người bị buộc tội có quyền tự bào chữa, nhờ người khác bào chữa hoặc được cử người bào chữa trong các trường hợp pháp luật quy định để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; và quy định thêm quyền được bảo vệ của các nguyên đơn, bị đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

3.1.4. Hoàn thiện nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự

Tranh tụng là một trong những nội dung quan trọng của cải cách tư pháp hiện nay của nước ta được xác định trong Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới và Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Tranh tụng không chỉ được thực hiện trong thực tiễn tiến hành tố tụng đối với các vụ án, tranh tụng phải được thực hiện ngay trong quá trình lập pháp, phải được thể hiện ngay trong các quy định của pháp luật về địa vị tố tụng của người tiến hành, người tham gia tố tụng, trong các thủ tục tố tụng và trong các bảo đảm pháp lý cho việc tranh tụng v.v... [41, tr. 109]. Trong TTHS, Tranh tụng có ý nghĩa rất quan trọng, trước tiên, tranh tụng để tìm ra sự thật khách quan của vụ án.

Ở các quốc gia trên thế giới, pháp luật tố tụng có các quy định nhằm tạo điều kiện cho các chủ thể có nghĩa vụ chứng minh có quyền thu thập,

kiểm tra, đánh giá chứng cứ và còn quy định cho các bên tham gia tố tụng khác các quyền tố tụng để họ có đủ điều kiện tham gia chứng minh. Từ đó Tòa án mới có thể nhận thức một cách đầy đủ, chính xác, khách quan sự thật về vụ án. Pháp luật TTHS ở nước ta bước đầu đã ghi nhận nguyên tắc này, tuy nhiên chưa thể hiện hết bản chất đó của tranh tụng. Không phải tất cả các bên đều có quyền thu thập chứng cứ trong giai đoạn điều tra như lấy lời khai của những người làm chứng, yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, tham gia khám nghiệm hiện trường... để chuẩn bị cho tranh luận tại phiên tòa. Ví dụ, người bào chữa không có quyền thực hiện việc điều tra mà người bào chữa lại sử dụng chính hồ sơ buộc tội của Viện kiểm sát để bào chữa tại phiên tòa. Việc xét hỏi tại phiên tòa chủ yếu do những người tiến hành tố tụng, nhất là Tòa án thực hiện; những người tham gia tố tụng (trừ người bào chữa) chỉ được quyền yêu cầu Hội đồng xét xử xét hỏi chứ không có quyền xét hỏi... Những hạn chế, bất cập đó của pháp luật tố tụng hiện hành đã tạo nên nhiều phiên tòa mang tính hình thức, không căn cứ vào sự thật khách quan được xác định tại phiên tòa, làm cho quyết định của Tòa án thiếu toàn diện, chính xác, khách quan [41].

Bên cạnh đó, tranh tụng còn có vai trò quan trọng góp phần giải quyết vụ án một cách khách quan, toàn diện. Các chứng cứ được xem xét công khai bằng thủ tục xét hỏi tại phiên tòa; các bên tranh luận, đưa ra quan điểm của mình về đánh giá chứng cứ được xem xét, và áp dụng các điều khoản luật pháp để giải quyết vụ án và đưa ra các biện pháp cụ thể cho việc giải quyết vụ án. Để đảm bảo quyền bình đẳng thực sự cho các bên tham gia tố tụng, các bên phải có địa vị pháp lý bình đẳng về các quyền tố tụng và nghĩa vụ tố tụng.

Ngoài ra, tranh tụng có vai trò giáo dục quan trọng. Nhiệm vụ của hoạt động tố tụng không chỉ là giải quyết đúng đắn, khách quan vụ án, bảo vệ lợi ích xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, mà còn giáo dục công dân tuân

thủ pháp luật, chủ động tham gia đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Tranh tụng tại phiên tòa đòi hỏi sự có mặt của những người tham gia tố tụng. Việc tranh luận trực tiếp, công khai tại phiên tòa không hạn chế về thời gian, nơi những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đánh giá các hành vi vi phạm pháp luật về pháp lý cũng như xã hội, phân tích các quy định pháp luật cần được áp dụng... giúp cho những người tham gia tố tụng và những người tham dự phiên tòa nâng cao nhận thức về pháp luật, xác định định hướng giá trị trong hành vi, giúp cho việc tuân thủ pháp luật. Phiên tòa tranh tụng không chỉ giáo dục công dân nâng cao nhận thức pháp luật, mà còn giáo dục lòng tin vào pháp luật và hành vi tuân thủ pháp luật của công dân [41, tr. 112].

Như vậy, từ góc độ bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội, tranh tụng là một trong những bảo đảm pháp lý để người bị buộc tội thực hiện quyền tố tụng của mình. Tranh tụng là sự tham gia tố tụng của các bên có quyền và lợi ích liên quan để bảo vệ lợi ích của mình. Vai trò của tranh tụng trong bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội, cần quy định nguyên tắc tranh tụng thể hiện các nội dung cơ bản sau: Thứ nhất, phân định rõ các chức năng cơ bản buộc tội, bào chữa, xét xử của tố tụng hình sự; thứ hai, bảo đảm cho các bên tham gia tố tụng các quyền, nghĩa vụ bình đẳng và quy định thủ tục tố tụng, thủ tục phiên tòa hợp lý để các bên chứng minh, thực hiện quyền tranh tụng trong quá trình tố tụng, nhất là trong xét xử; thứ ba, bản án, quyết định của Tòa án được đưa ra trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ được xác định và ý kiến của các bên tranh luận tại phiên tòa.

3.1.5. Hoàn thiện nguyên tắc xác định sự thật của vụ án

Nguyên tắc này là điều kiện tiên quyết cho việc giải quyết đúng đắn, khách quan vụ án hình sự, bảo vệ lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội và người tham gia tố tụng khác. Theo Điều 15 BLTTHS 2015 quy định nguyên tắc xác định sự thật của vụ án như sau: Trách nhiệm

chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội; và Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội [5].

Quy định trên của BLTTHS cơ bản đã thể hiện được trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng trong việc xác định sự thật khách quan của vụ án, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội. Tuy nhiên, quy định của điều luật còn hạn chế sau:

- Thứ nhất, các cơ quan tiến hành tố tụng có chức năng tố tụng khác nhau: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có chức năng buộc tội; còn Tòa án có chức năng xét xử trên cơ sở buộc tội của Viện kiểm sát và gỡ tội của bị cáo, người bào chữa. Tuy nhiên, Điều luật lại chưa phân định trách nhiệm chứng minh của từng cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án) mà coi các cơ quan này có trách nhiệm như nhau trong chứng minh tội phạm. Vì vậy, không thể quy định trách nhiệm của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án như nhau trong chứng minh tội phạm. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không có trách nhiệm chứng minh các tình tiết gỡ tội; người bào chữa không phải chứng minh buộc tội; Tòa án ghi nhận các chứng cứ để chứng minh cho phán quyết về vụ án.

- Thứ hai, việc quy định “... cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự của người bị buộc tội.” là không cần thiết do những vấn đề phải chứng minh này đã được quy định tại Điều 85 BLTTHS 2015 [5].

Như vậy, để hoàn thiện nguyên tắc xác định sự thật của vụ án đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp thì Điều 15 BLTTHS 2015 cần được sửa đổi, bổ sung như sau:

Điều 15. Xác định sự thật của vụ án

1. Các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm chứng minh tội phạm trong phạm vi quyền hạn của mình.

2. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có trách nhiệm chứng minh tội phạm; Tòa án ghi nhận các chứng cứ để chứng minh cho phán quyết về vụ án tại phiên tòa.

3. Người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội.

3.1.6. Hoàn thiện nguyên tắc suy đoán vô tội hay là nguyên tắc không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật

Nguyên tắc này được quy định trong các hệ thống pháp luật khác nhau: người bị buộc tội được pháp luật xác định là người không có tội cho đến khi có bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Đây là cơ sở, là tư tưởng xuyên suốt để quy định địa vị tố tụng của người bị buộc tội trong cả quá trình tố tụng và thực hiện các quy định đó trong thực tiễn tố tụng. Trừ một số quyền, lợi ích mà người bị buộc tội bị hạn chế khi bị áp dụng biện pháp cưỡng chế tố tụng, người bị buộc tội được bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp của người công dân; được đối xử như những công dân khác. Đồng thời phải sửa đổi nội dung của nguyên tắc này để phù hợp với nhận thức chung và tránh việc nhận thức sai lệch. Theo quy định của điều 9 BLTTHS, nội dung nguyên tắc được quy định là “không ai bị coi là có tội và phải chịu

hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật”. Từ đó, cần phải có bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án còn không cần phải có bản án có hiệu lực của Tòa án thì một người vẫn có thể được coi là có tội. Vì vậy, ngay sau khi khởi tố bị can, người bị khởi tố đã có thể bị coi là người có tội; họ chỉ không phải chịu hình phạt mà thôi. Trong thực tế một thời gian dài chúng ta đã đối xử với bị can, bị cáo theo tinh thần đó. Nguyên tắc suy đoán không có tội trong TTHS là một thành tựu của khoa học pháp lý hiện đại trên thế giới. Đối với hầu hết các quốc gia, nguyên tắc suy đoán không có tội giữ một vị trí vô cùng quan trọng, định hướng cho toàn bộ quá trình tố tụng giải quyết vụ án hình sự. Nguyên tắc này không còn là riêng biệt trong pháp luật của từng quốc gia mà nó đã được toàn cầu hóa. Cụ thể được ghi nhận ở Tuyên ngôn nhân quyền năm 1948 và Công ước quốc tế về quyền chính trị và dân sự của Liên Hợp quốc năm 1966 đều quy định: *“Bất kỳ người bị buộc tội nào đều có quyền suy đoán là không phạm tội cho đến khi lỗi của người đó được xác định theo một trình tự do pháp luật quy định bằng phiên tòa xét xử công khai của Tòa án với sự bảo đảm đầy đủ khả năng bào chữa của người đó”*. Điều đó có nghĩa, một người chỉ được xem là có tội khi bị tòa án xét xử. Nguyên tắc suy đoán vô tội đòi hỏi bất kỳ hành vi phạm tội nào cũng phải được cơ quan tiến hành tố tụng chứng minh theo một trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Tại khoản 1 Điều 31 Hiến pháp 2013 ghi nhận nguyên tắc: *“Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật”*. Nguyên tắc này đã được ghi nhận từ Hiến pháp 1992. Nội dung của nguyên tắc này: Tòa án là cơ quan duy nhất có quyền kết tội một người nào đó. Một người chỉ coi là có tội khi Tòa án ra một bản án và bản án đó đã phát sinh hiệu lực pháp luật. Trong trường hợp, người được cho là có hành vi phạm tội khi chưa có phán xét có hiệu lực của Tòa án thì phải được

xem là người vô tội, được hưởng các quyền và nghĩa vụ của công dân. Sự ghi nhận của nguyên tắc này có hai tác dụng: Thứ nhất, yêu cầu những người mang quyền lực nhà nước phải thực hiện nhiệm vụ của mình một cách nghiêm túc, khách quan, thận trọng và chặt chẽ. Họ phải hiểu nhiệm vụ của họ không chỉ là chứng minh một người nào đó là có tội hay không có tội, mà còn phải bảo vệ người tình nghi như một công dân bình thường, không được có thái độ định kiến đối với người bị tạm giữ, tạm giam, bị can, bị cáo. Thứ hai, mở ra một lối thoát cho những vụ án rơi vào bế tắc, buộc cơ quan tiến hành tố tụng phải tuyên bố cá nhân vô tội và quyền của người bị tình nghi được ưu tiên bảo vệ. Như vậy, theo quan điểm này thì việc một người bị coi là có tội chỉ khi có sự kết tội của tòa án và sự kết tội này phải dựa trên việc xem xét, đánh giá khách quan các chứng cứ đã được thu thập hợp pháp. Điều này có thể hiểu, nếu tòa án coi bị cáo đã là người có tội thì tại phiên tòa xét xử, tòa án sẽ không khách quan trong việc đánh giá các chứng cứ, đánh giá ý kiến tranh luận của các bên buộc tội và bên bào chữa đưa ra. Và như vậy quyền lợi của người bị buộc tội sẽ không thể được đảm bảo. Nếu một người bị cáo buộc là phạm tội mà Tòa án hay các cơ quan có thẩm quyền hiển nhiên coi anh ta là có tội, hoặc sự phán quyết chỉ đơn thuần dựa trên lời nhận tội của bị cáo thì điều đó có nghĩa là nguyên tắc suy đoán vô tội đã bị vi phạm. Như vậy, vấn đề cốt lõi và cơ bản của nguyên tắc chính là ở chỗ “mọi nghi ngờ phải được giải thích theo hướng có lợi cho người bị buộc tội”. Thẩm phán không thể bắt đầu nhiệm vụ của anh ta với sự suy đoán rằng bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội mà họ bị cáo buộc. Một điều cốt yếu là gánh nặng chứng minh phải là của cơ quan tiến hành tố tụng, còn đối với người bị buộc tội, họ không có nghĩa vụ này. Điều này cho phép trước những lập luận theo chiều hướng suy đoán có tội từ phía Thẩm phán hoặc Hội đồng xét xử thì người bị buộc tội, ít nhất, cũng có quyền đưa ra những chứng cứ cho rằng bản

án của tòa án là không chính đáng. Như vậy, một bản án bị phát hiện có sự thiên vị của Thẩm phán thì đương nhiên sẽ không được chấp nhận ở cấp phúc thẩm. Trong trường hợp này, Tòa án phúc thẩm bắt buộc phải tìm hiểu nguyên nhân của sự thiên vị, đồng thời sửa chữa và khắc phục những sai phạm của Tòa án cấp dưới trong việc ra bản án. Việc làm này sẽ đảm bảo cho bị cáo thấy rằng quyền lợi chính đáng của anh ta được bảo vệ trọn vẹn. Qua phân tích trên, liên hệ với quy định nguyên tắc “Không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật”, quy định này là chưa hoàn thiện về nội dung cũng như hình thức thể hiện. Nguyên tắc này thể hiện sự tiên bộ, nhân đạo của nhà nước và pháp luật đối với con người. Việc ghi nhận nguyên tắc này không phải là phủ định hoàn toàn giá trị pháp lý của các quyết định tố tụng đã được thực hiện các hoạt động tố tụng trước đó đều là tiền đề cho hoạt động xét xử của Tòa án. Bản án chỉ thật sự thuyết phục khi mà tất cả các giai đoạn của quy trình giải quyết vụ án thật sự khách quan, minh bạch và tôn trọng quyền con người.[41].

3.2. Các giải pháp khác bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội

3.2.1. Nâng cao ý thức pháp luật, trình độ nhận thức, chuyên môn nghiệp vụ của các chủ thể tiến hành tố tụng

Trong công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay, mọi công dân trong xã hội đều phải sống và làm việc theo pháp luật. Đặc biệt là đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước, nếu thiếu ý thức pháp luật ở trình độ cao thì không thể hoàn thành tốt nhiệm vụ thực hiện và áp dụng pháp luật của mình trong quá trình giải quyết các công việc liên quan đến lợi ích của người dân. Bên cạnh việc nâng cao trình độ tri thức pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức các cấp, các ngành, chúng ta cũng cần quan tâm đúng mức tới

công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho các tầng lớp nhân dân, trang bị cho người dân những kiến thức, hiểu biết nhất định về pháp luật.

Trong BLTTHS nhiều quy định được áp dụng hay không lại tùy thuộc vào đánh giá chủ quan của người có thẩm quyền. Việc áp dụng các quy định pháp luật mang tính cưỡng chế cũng phụ thuộc nhiều vào quan điểm, cách nhìn nhận của người có thẩm quyền áp dụng. Trong hoạt động tố tụng có nhiều hành vi tố tụng như: kỹ năng điều tra, kỹ năng kiểm sát, điều khiển phiên tòa, văn hóa xét xử... lại chưa được BLTTHS quy định; các hành vi tố tụng đó được thực hiện tốt hay không, bảo đảm tôn trọng quyền con người hay không phụ thuộc vào khả năng, kinh nghiệm của từng người tiến hành tố tụng. Vì vậy, có thể nói tăng cường nhận thức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ văn hóa ứng xử của đội ngũ những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là giải pháp quan trọng đảm bảo cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử đáp ứng yêu cầu tôn trọng và bảo đảm quyền con người nói chung, quyền của người bị buộc tội nói riêng. Để thực hiện giải pháp này cần tiến hành các biện pháp sau đây:

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, nhất là kỹ năng tố tụng cho đội ngũ những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Những người tiến hành tố tụng phải nhận thức đúng đắn, đầy đủ về các quy định của pháp luật liên quan đến bảo đảm quyền con người;

- Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, chính sách pháp luật hình sự, nhất là chính sách nhân đạo của Nhà nước ta đối với người phạm tội, quan điểm bảo đảm quyền con người trong Nhà nước pháp quyền XHCN cho cán bộ cơ quan tiến hành tố tụng các cấp;

- Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát hoạt động tố tụng hình sự, hoạt động giám đốc xét xử của Tòa án cấp trên đối với Tòa án cấp dưới nhằm phát hiện các vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xâm phạm đến quyền con

người của người bị buộc tội để có biện pháp khắc phục về tố tụng như kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm để hủy các bản án, quyết định tố tụng có vi phạm.

- Bên cạnh việc nâng cao trình độ, năng lực của người tiến hành tố tụng, Nhà nước ta cũng cần có các chính sách, biện pháp tăng cường đội ngũ luật sư về tổ chức, số lượng cũng như chất lượng, nâng cao vị thế luật sư trong tố tụng hình sự, bảo đảm vai trò quan trọng của luật sư trong bảo vệ quyền con người của người bị buộc tội.

3.2.2. Tăng cường giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật TTHS

Để đảm bảo quyền con người, cần phải tăng cường việc giải thích, hướng dẫn áp dụng thống nhất các quy định của pháp luật TTHS của các cơ quan có thẩm quyền. Các cơ quan có thẩm quyền cần tập trung hướng dẫn một số vấn đề sau đây:

- Hướng dẫn về việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn không giam giữ như: bảo lãnh, cấm đi khỏi nơi cư trú, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm nhằm giúp cho các cơ quan tiến hành tố tụng nên tăng cường áp dụng các biện pháp này.

- TAND, VKSND tối cao cần có hướng dẫn thống nhất về trình tự, thủ tục phiên tòa hình sự nhằm ngăn chặn các hành vi vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

- Các cơ quan tiến hành tố tụng cần hướng dẫn cụ thể, thống nhất về các kỹ năng, thủ tục tố tụng nhằm bảo đảm tốt hơn quyền con người của người bị buộc tội như: thủ tục đăng ký tham gia bào chữa; sự tham gia của người bào chữa vào quá trình tố tụng; hình thức, thủ tục cũng như kỹ năng tiến hành phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm; tăng cường hơn nữa quyền tranh tụng dân chủ của người tham gia tố tụng, nhất là của bị cáo để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình...

3.2.3. Hoàn thiện chế độ trách nhiệm đối với người tiến hành tố tụng

Để nâng cao hiệu quả của hoạt động thực hiện pháp luật tố tụng hình sự, ngoài các biện pháp áp dụng đối với các tầng lớp nhân dân, còn rất cần thiết phải tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cơ quan chức năng trong hoạt động thực hiện pháp luật tố tụng hình sự. Vì vậy, việc hoàn thiện chế độ trách nhiệm của người tiến hành tố tụng cũng là giải pháp cần thiết để bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự.

- Trước hết, các cơ quan công an, tòa án, viện kiểm sát, thanh tra và các cơ quan khác có liên quan phải nghiêm chỉnh thực hiện các quy phạm pháp luật, giữ đúng vị trí, vai trò, chức năng và nhiệm vụ của mình, tích cực tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật, đồng thời tạo các điều kiện cần thiết để người dân có thể tham gia giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước và thực hiện pháp luật một cách thuận lợi.

- Cần hoàn thiện các quy định về trách nhiệm hình sự đối với các hành vi xâm phạm quyền con người trong hoạt động tư pháp nói chung, trong xét xử vụ án hình sự nói riêng. Đối với những trường hợp do thiếu trách nhiệm truy cứu trách nhiệm hình sự oan người không có tội gây hậu quả nghiêm trọng cần phải truy cứu trách nhiệm hình sự nghiêm minh để nâng cao trách nhiệm của người tiến hành tố tụng trong việc bảo đảm quyền con người.

- Từng bước hoàn thiện pháp luật về bồi thường thiệt hại trong trường hợp oan, sai trong tố tụng hình sự. Điều 26 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009 đã quy định tương đối chi tiết các trường hợp Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự. Điều 27 của Luật quy định những trường hợp không được bồi thường. Đó là một bước tiến rất lớn về mặt lập pháp so với Nghị quyết 388/NQ-UBTVQH. Tuy nhiên,

bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội cần được hoàn thiện theo hướng Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại không chỉ trong trường hợp oan, mà cả trong trường hợp điều tra, truy tố, xét xử sai gây thiệt hại cho công dân. Bởi vì, trong thực tế có trường hợp điều tra, truy tố, xét xử sai có thể gây ra thiệt hại lớn hơn, gây hậu quả nghiêm trọng hơn trường hợp bị oan. [41, tr. 156-157].

- Hoàn thiện chế độ kỷ luật đối với hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng xâm hại QCN trong TTHS nhưng chưa đến mức độ truy cứu trách nhiệm hình sự thì tùy tính chất, mức độ phải được xử lý kỷ luật một cách hợp lý. Đặc biệt không nên giao tiếp tục thực hiện các trách nhiệm cho những người không đủ năng lực đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hoạt động tư pháp, đã có những vi phạm nghiêm trọng quyền con người.

- Tăng cường nâng cao chất lượng, kiện toàn tổ chức đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tư pháp, nhất là khiếu nại giám đốc thẩm, tái thẩm.

3.2.4. Các biện pháp khác

Để hoạt động đảm bảo quyền con người của người bị buộc tội ở nước ta hiện nay có hiệu quả, ngoài các biện pháp nêu trên, cần có một số biện pháp khác như:

- Phát huy vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng đối với công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho các tầng lớp nhân dân. Để nâng cao ý thức pháp luật cho các đối tượng, chủ thể khác nhau, trước hết cần phải đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho họ bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm mục đích cung cấp, trang bị kiến thức pháp luật, hình thành tình cảm, thái độ tích cực đối với pháp luật, tạo lập thói quen tuân thủ, chấp hành và sử dụng pháp luật cho các đối tượng xã hội.

- Quan tâm và chú trọng tới yếu tố kinh tế, nhất là vấn đề phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Yếu tố kinh tế là nền tảng của sự nhận thức, hiểu biết và thực hiện pháp luật nên có tác động mạnh mẽ tới hoạt động thực hiện pháp luật của các chủ thể pháp luật. Từ đó, niềm tin của các chủ thể đối với pháp luật được củng cố, hoạt động thực hiện pháp luật sẽ mang tính tích cực, thuận chiều, phù hợp với các giá trị, chuẩn mực pháp luật hiện hành.

- Chú trọng tới việc thực hiện chính sách xã hội đảm bảo các nguyên tắc của công bằng xã hội. Đó là điều kiện cần thiết cho sự ổn định chính trị, tăng cường pháp chế và đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội,...

- Xây dựng cương lĩnh chính trị, đường lối lãnh đạo của Đảng phù hợp với thực tiễn, tăng cường tính chất và mức độ của nền dân chủ xã hội. Yếu tố chính trị củng cố ý thức và niềm tin chính trị của cán bộ đảng viên và quần chúng nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, điều này có ảnh hưởng mạnh mẽ tới hiệu quả của hoạt động thực hiện pháp luật nói chung, đặc biệt là các cá nhân, cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng pháp luật tố tụng hình sự.

Kết luận chương 3

Những vấn đề lý luận chung được nghiên cứu ở chương 1, trên cơ sở phân tích đánh giá thực trạng ở chương 2, cho phép tác giả đưa ra những kiến nghị hoàn thiện những nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự và các giải pháp nâng cao hiệu quả việc bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự. Cùng với việc hoàn thiện các quy định nguyên tắc cơ bản TTHS như: nguyên tắc bất khả xâm phạm thân thể; bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội; nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa; nguyên tắc xác định sự thật của vụ án và nguyên tắc được TA xét xử cũng cần thực hiện các giải pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tố tụng trong bảo đảm

QCN của người bị buộc tội. Trong số đó, các giải pháp quan trọng là: nâng cao ý thức pháp luật, nâng cao trình độ, năng lực, nhận thức của người tiến hành tố tụng; tăng cường giải thích, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật TTHS; nâng cao năng lực, vị thế của đội ngũ luật sư; hoàn thiện chế độ trách nhiệm của cơ quan, người tiến hành tố tụng đối với việc vi QCN trong TTHS nói chung, của người bị buộc tội nói riêng; kiện toàn tổ chức đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tư pháp.

KẾT LUẬN

Bảo đảm QCN nói chung, QCN của người bị buộc tội nói riêng trong TTTHS là vấn đề quan trọng cả về lý luận và thực tiễn đã và đang được nghiên cứu nhiều trong khoa học TTTHS nước ta. Việc nghiên cứu làm sáng tỏ nội dung các quy định về bảo đảm quyền của người bị buộc tội trong TTTHS Việt Nam, phân tích thực trạng pháp luật, nghiên cứu từ thực tiễn các hoạt động tố tụng, tìm ra những nguyên nhân, hạn chế, bất cập là cơ sở khoa học, thực tiễn quan trọng cho việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động bảo đảm QCN của người bị buộc tội có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc tăng cường pháp chế, xây dựng nhà Nước pháp quyền XHCN. Quy định QCN nói chung, QCN của người bị buộc tội nói riêng là rất quan trọng song quan trọng hơn nữa là việc bảo đảm cho các quyền đó được thực thi trong cuộc sống. Với khả năng có hạn, luận văn đã đạt được một số kết quả khiêm tốn sau đây:

1. Luận văn đã góp phần làm rõ thêm một số vấn đề lý luận chung về bảo đảm QCN trong TTTHS, làm rõ khái niệm, đặc điểm của người bị buộc tội.

2. Luận văn đã phân tích có hệ thống các quy định của BLTTTHS hiện hành về bảo đảm quyền của người bị buộc tội. Trên cơ sở đánh giá thực tiễn việc áp dụng các quy định của pháp luật và bảo đảm các quyền của người bị buộc tội, đã đưa ra những kết quả đạt được trong quá trình người bị buộc tội tham gia vào quá trình TTTHS. Đồng thời nêu lên những hạn chế, bất cập còn tồn tại cũng như những nguyên nhân đối với những hạn chế đã nêu ra.

3. Trên cơ sở nghiên cứu từ những bất cập và hạn chế còn tồn tại, tôi mạnh dạn đưa ra những ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật TTTHS Việt Nam, nâng cao hơn nữa hiệu quả của việc thực hiện bảo đảm quyền của người bị buộc tội. Cùng với việc hoàn thiện pháp luật, cũng

cần thực hiện các giải pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả của việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội.

Để bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội, BLTTHS cần được sửa đổi, bổ sung một cách toàn diện, hệ thống theo những nội dung cơ bản như sau: 1/ Hoàn thiện các quy định về các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự; 2/ Cần thực hiện các giải pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tố tụng trong bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội. Trong số đó, các giải pháp quan trọng là: nâng cao ý thức pháp luật, trình độ, năng lực, nhận thức của người tiến hành tố tụng; tăng cường giải thích, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật TTHS; nâng cao năng lực, vị thế của đội ngũ luật sư; hoàn thiện chế độ trách nhiệm của cơ quan, người tiến hành tố tụng đối với việc xâm phạm quyền con người trong TTHS nói chung, của người bị buộc tội nói riêng; kiện toàn tổ chức đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tư pháp.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (1992), Chỉ thị số 12/CT/TW “Về vấn đề quyền con người và quan điểm chủ trương của Đảng ta”, Hà Nội;
2. Nguyễn Hòa Bình (2016), Những nội dung mới trong Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, Nxb Chính trị Quốc Gia Hà Nội;
3. Bộ Công an (2011), Thông tư số 70/2011/TT-BCA quy định chi tiết thi hành các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự liên quan đến việc bảo đảm quyền bào chữa trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ngày 10/10/2011;
4. Bộ luật Tố tụng hình sự 2009, Nxb Tư pháp, Hà nội 2009;
5. Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nxb Tư pháp, Hà nội 2016;
6. Bộ Chính trị, Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02-01-2002 về Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới;
7. Bộ Chính trị, Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02-6-2005 về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020;
8. Lê Văn Cẩm (2010) “ Những vấn đề chung về bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự” Bảo đảm quyền con người trong tư pháp hình sự Việt Nam (5-26), Nxb Đại học Quốc Gia thành phố Hồ Chí Minh, Tp.HCM;
9. Lê Cẩm, Nguyễn Ngọc Chí, Trịnh Quốc Toàn (2005) “Bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam, Đề tài nghiên cứu Khoa học cấp Đại học Quốc gia Hà Nội”, Hà Nội;
10. Nguyễn Ngọc Chí (chủ biên) (2013), Giáo trình Luật TTHS Việt Nam, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội;
11. Nguyễn Ngọc Chí (2013), Bảo đảm thực hiện quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự, nhân phẩm theo Hiến pháp 2013, Bình luận khoa

học Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, NXB Lao động xã hội, Hà Nội;

12. C.Mác –Ph.Ăng ghen (1998), Về quyền con người, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;

13. C.Mác –Ph.Ăng ghen (1986), toàn tập, tập III, Nxb Sự thật, Hà Nội;

14. Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 (ICCPR);

15. Nguyễn Đăng Dung, Phạm Hồng Thái, Lê Văn Cẩm, Vũ Công Giao, Lã Khánh Tùng (Đồng chủ biên) (2011), Bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương trong tố tụng hình sự, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội;

16. Đại học quốc gia Hà Nội, Khoa luật (2006), Bảo vệ quyền con người bằng pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam, đề tài khoa học cấp Đại học quốc gia, Hà Nội;

17. Nguyễn Tiến Đạt (2006), “Bảo đảm quyền con người trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam”, Tạp chí KHPL;

18. Nguyễn Văn Động (2005), Quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội, tr.52-53, Hà Nội;

19. Trần Ngọc Đường (2004) Bàn về quyền con người, quyền công dân, Nxb Chính trị Quốc Gia Hà Nội;

20. Trần Ngọc Đường (2011), Quyền con người, quyền công dân trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc Gia – sự thật;

21. TS. Đỗ Văn Đương, Phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp và sửa đổi, bổ sung chế định chứng cứ trong Bộ luật tố tụng hình sự, Bài đăng trên tạp chí Thông tin khoa học, Trường Đại học kiểm sát, Hà Nội.

22. Phạm Hồng Hải (2012), “Bàn về sự tham gia của người bào chữa trong giai đoạn điều tra”, Tạp chí luật học;
23. Đoàn Thị Ngọc Hải (2015), Bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự - một số vấn đề cần trao đổi, Nghiên cứu trao đổi – Bài đăng trên trang báo điện tử của Bộ Tư pháp;
24. Nguyễn Như Hiến (2014), Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật Tố tụng Hình sự Việt Nam, Luận văn Thạc sỹ, trường đại học quốc gia Hà Nội;
25. Phan Trung Hoài (2016), Những điểm mới về chế định bào chữa trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nxb Chính trị Quốc Gia – Sự thật;
26. Học viện Cảnh sát nhân dân (2015), Tạp chí Cảnh sát Nhân dân số 05/2015;
27. Lê Võ Thanh Hùng(2016), Quyền của bị can, bị cáo theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng, Luận văn Thạc sỹ, Hà Nội;
28. ThS. Đinh Thế Hưng (2010), Tham luận Bảo vệ quyền con người trong Tố tụng hình sự, Viện Nhà nước và Pháp luật;
29. Hoàng Hồng Liên (2016), Bảo vệ quyền con người trong việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ thực tiễn tỉnh Bắc Ninh, Luận văn Thạc sỹ, Hà Nội;
30. Liên Hợp Quốc (1966), Công ước về quyền con người trong lĩnh vực dân sự và chính trị;
31. Phạm Hồng Phong, Bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự - Bài đăng trên Tạp chí Lý luận chính trị số 10-2014;
32. Đào Thị Mai Phương, Bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự đối với người bị tạm giữ, tạm giam, Luận văn thạc sỹ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

33. Quốc Hội (1980,1992 và 2013) Hiến pháp, Hà Nội;
34. Quốc Hội (2003, 2015), Bộ luật Tố tụng hình sự, Hà Nội;
35. Quốc Hội (2013) Luật luật sư, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội;
36. Lương Thị Mỹ Quỳnh (2013), Quyền có người bào chữa trong tố tụng hình sự Việt Nam, Đức và Hoa Kỳ, Nxb Chính trị Quốc Gia;
37. Hoàng Thị Sơn, Bùi Kiên Điện, (2000), các nguyên tắc tố tụng hình sự, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội;
38. Tạ Ngọc Tấn (chỉ đạo nội dung), Văn phòng thường trực về nhân quyền và Học viện Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh (phối hợp thực hiện) (2015), Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp Việt Nam;
39. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh (2012-2016), Báo cáo Công tác xét xử năm 2012, 2013, 2014, 2015 và 2016, Bắc Ninh;
40. Trần Quang Tiệp (2004) Bảo vệ quyền con người trong Luật hình sự, luật Tố tụng hình sự Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc Gia;
41. Lại Văn Trình (2011), Bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam, Luận án tiến sỹ luật học, Trường Đại học Luật Tp.HCM;
42. Võ Văn Trung (2015), Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và một số vướng mắc cần được hướng dẫn, Bài đăng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp;
43. Trường đại học luật Hà Nội (1995), giáo trình luật tố tụng hình sự;
44. Tuyên ngôn nhân quyền thế giới năm 1948 (UHDR);
45. Từ điển luật học – Viện khoa học pháp lý – Bộ tư pháp;
46. Đào Trí Úc (2013), Bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự theo Hiến pháp 2013, Bình luận khoa học Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội;

47. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh (2012-2016), Báo cáo tổng kết các năm 2012, 2013, 2014, 2015 và 2016, Bắc Ninh;

48. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2011), Quyền con người, Nxb Khoa học xã hội;

49. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2010), Quyền con người tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học tập I, Nxb Khoa học xã hội;

50. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2010), Quyền con người tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học tập II, Nxb Khoa học xã hội;

51. Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp, Một số kiến thức pháp luật về Quyền con người;